



CÔNG TY TNHH THÀNH HƯNG BÌNH PHƯỚC



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của dự án đầu tư

**TRANG TRẠI CHĂN NUÔI HEO CÔNG NGHIỆP
QUY MÔ 2.400 CON HEO NÁI SINH SẢN**

ĐỊA CHỈ

Ấp Bù Tam, xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước



BÌNH PHƯỚC, THÁNG 07 NĂM 2022



CÔNG TY TNHH THÀNH HƯNG BÌNH PHƯỚC



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của

**“DỰ ÁN TRANG TRẠI CHĂN NUÔI HEO CÔNG
NGHIỆP QUY MÔ 2.400 CON HEO NÁI SINH SẢN”**

ĐỊA CHỈ

Ấp Bù Tam, xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước



Ngô Quang Dân

BÌNH PHƯỚC, NĂM 2022

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	3
DANH MỤC BẢNG	4
DANH MỤC HÌNH	5
CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	6
1. Tên chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Thành Hưng Bình Phước.....	6
2. Tên dự án đầu tư:	6
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư:	6
3.1. Công suất của dự án đầu tư: 2.400 con heo nái sinh sản.	6
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:	6
3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư :	8
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư :	8
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư (nếu có) :	12
CHƯƠNG II SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NẴNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	13
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):	13
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường:	13
CHƯƠNG III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	14
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:	14
1.1. Thu gom, thoát nước mưa:	14
1.2. Thu gom, thoát nước thải :	14
1.3. Công trình xử lý nước thải:	14
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:.....	18
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:.....	18
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:.....	19
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có):	20
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành:	21
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):.....	28
8. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi (nếu có):	28

9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có):	28
10. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có):	28
CHƯƠNG IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	30
CHƯƠNG V KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	32
1. Kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đã thực hiện:	32
1.1. Kết quả đánh giá hiệu quả của công trình xử lý nước thải	32
2. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:.....	40
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	40
CHƯƠNG VI CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	41
PHỤ LỤC	42

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TT-BTNMT	: Thông Tư - Bộ Tài Nguyên Môi Trường
QĐ-BYT	: Quyết định – Bộ Y Tế
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
TSS	: Tổng chất rắn lơ lửng
BOD	: Nhu cầu oxy sinh hóa
COD	: Nhu cầu oxy hóa học
CTRSH	: Chất thải rắn sinh hoạt
CTNH	: Chất thải nguy hại

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1 : Nhu cầu nguyên liệu, hóa chất của dự án.	8
Bảng 1.2: Nhu cầu sử dụng nước cho heo.....	10
Bảng 3.1: Thống kê công trình hệ thống xử lý nước thải đã xây dựng:.....	17
Bảng 3.2: Các loại hóa chất sử dụng trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải	17
Bảng 3.3: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại dự án.....	19
Bảng 3.4: Những nội dung thay đổi về phương án xử lý chất thải giữa quyết định phê duyet kết quả thẩm định ĐTM so với thực tế.....	29
Bảng 4. 1. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải của dự án.....	30
Bảng 5.1 : Phương pháp lấy mẫu	32
Bảng 5.2 : Phương pháp phân tích trong phòng thí nghiệm.....	32
Bảng 5.3 : Vị trí lấy mẫu tại các hồ bể của hệ thống xử lý nước thải.	33
Bảng 5.4 : Các thông số quan trắc tại mẫu nước thải trước HTXLNT và sau HTXLNT.	33

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1 : Sơ đồ quy trình nuôi heo của Công ty TNHH Thành Hưng Bình Phước	7
Hình 3.1: Sơ đồ của bể tự hoại 3 ngăn.	14
Hình 3.2: Sơ đồ quy trình xử lý nước thải.....	15
Hình 3.4: Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ	26
Hình 3.5. Quy trình ứng phó khi có sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất	28

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Thành Hưng Bình Phước

- Địa chỉ văn phòng: Ấp Bù Tam, xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án: NGÔ QUANG DẦN

- Điện thoại: 0363.046.338

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801187796 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 19/11/2018, thay đổi lần thứ 3 ngày 16/09/2019.

2. Tên dự án đầu tư: Trang trại chăn nuôi heo công nghiệp, quy mô 2.400 con heo nái sinh sản.

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Ấp Bù Tam, xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: số 1094/QĐ-UBND ngày 27/05/2019 về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án xây dựng trang trại chăn nuôi heo công nghiệp, quy mô 2.400 con heo nái sinh sản tại Ấp Bù Tam, xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Thành Hưng Bình Phước làm chủ đầu tư.

- Công văn số 3334/STNMT-CCBVMT ngày 10/12/2021 về việc thông báo kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải để vận hành thử nghiệm của Dự án Trang trại chăn nuôi heo công nghiệp, quy mô 2.400 con heo nái sinh sản của Công ty TNHH Thành Hưng Bình Phước.

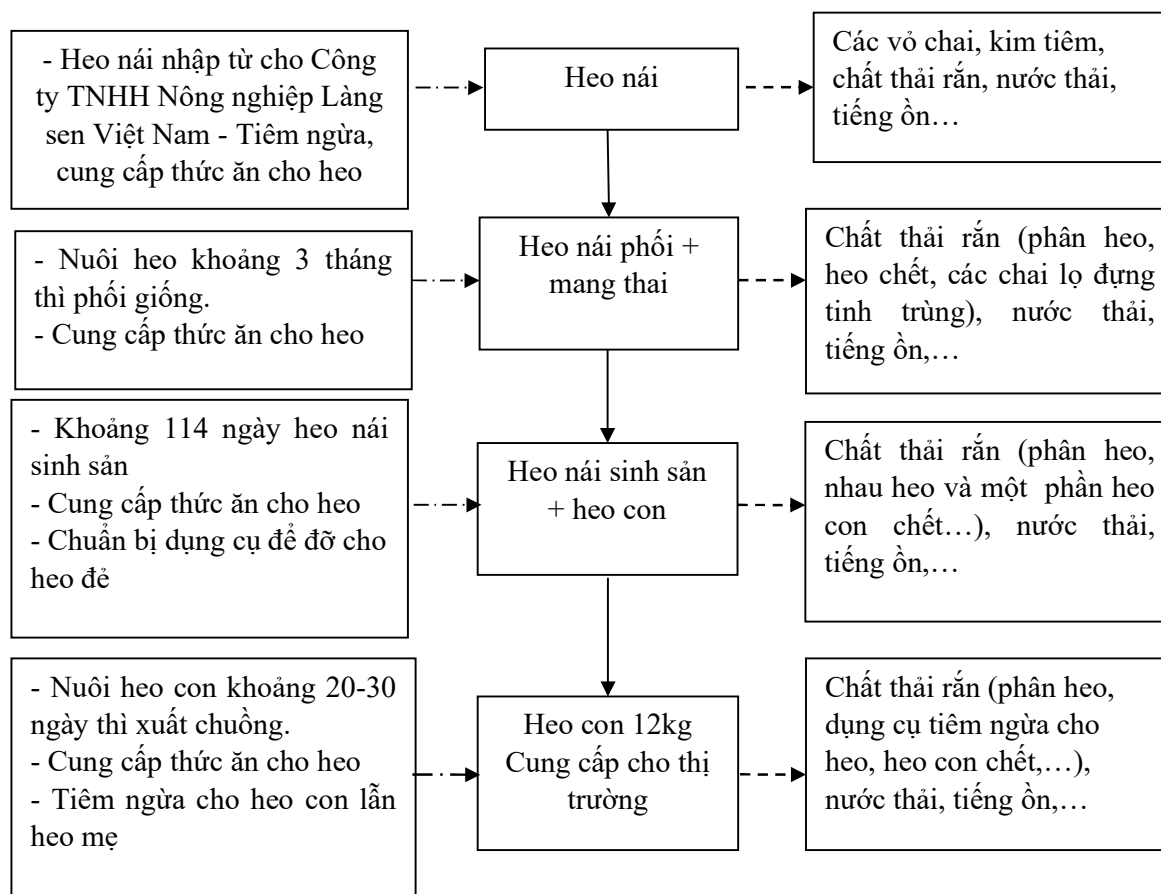
- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án nhóm C (dự án có tổng mức đầu tư dưới 60 tỷ đồng).

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư:

3.1. Công suất của dự án đầu tư: 2.400 con heo nái sinh sản.

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:

❖ Quy trình chăn nuôi :



Hình 1.1 : Sơ đồ quy trình nuôi heo của Công ty TNHH Thành Hưng Bình Phước

🔗 Mô tả quy trình công nghệ:

Heo giống mua về cách ly tối thiểu 7 ngày để theo dõi chọn lọc đặc biệt, kiểm tra nghiêm ngặt, được chủng ngừa,... Qua một hoặc hai chu kỳ sinh sản lại được tiến hành thanh lọc, loại ra thay thế con giống không đạt. Khi Heo đúng 3 tháng tuổi thì cho phối nhân tạo sau đó mang thai (thời gian heo mang thai khoảng 114 kể từ lúc bắt đầu phối). Sau thời gian mang thai, mỗi con heo nái sinh sản khoảng 10 – 12 con heo con. Thời kỳ này heo con sống nhờ bú sữa mẹ nên lớn rất nhanh. Khoảng 2 tuần bắt đầu tập cho heo con ăn thức ăn thô kết hợp với bú sữa mẹ, khi trọng lượng heo con có thể lên đến 12 kg/con, lúc này có thể đem xuất bán cho Công ty TNHH Nông nghiệp Làng sen Việt Nam theo hợp đồng nuôi gia công heo giống.

Theo dự tính, mỗi năm sẽ có khoảng 40.000 – 50.000 heo con được xuất chuồng. Số lượng heo trung bình có trong trang trại là 2.400 con heo nái sinh sản; 25 heo đực và 3.000 con heo con.

Qua một hoặc hai chu kỳ sinh sản heo nái lại được tiến hành kiểm tra, thanh lọc, những con giống không đạt tiêu chuẩn sẽ bị loại. Những heo nái loại sau bảy, tám chu kỳ sinh sản sẽ bán các đơn vị có nhu cầu thu mua.

Chu chuyển đàn heo: Trong quá trình chăn nuôi, số lượng heo nái trong trại là 2.400 con. Số lượng heo nọc là 25 con với tỷ lệ 1 heo nọc: 100 heo nái. Với 2.400 nái, chu kỳ sinh

sản 8 tháng, trung bình năm sinh sản dự kiến 50.000 con/năm, 1 lứa heo 20 ngày xuất chuồng; $50.000 \times 20 / 365 = 2.740$, chọn 3.000 con. Như vậy lượng heo con trong chuồng là 3.000 con.

Trong quá trình chăn nuôi có sự chu chuyển đàn heo, tuy nhiên số lượng heo trong trại ước tính thời điểm lớn nhất sẽ là 2.400 con heo nái sinh sản, 25 con heo đực và 3.000 con heo con.

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư :

Trại heo nái sinh sản ở cấp giống trại bố mẹ. Sản phẩm của dự án là heo con cai sữa, với quy mô 2.400 nái sinh sản, trung bình mỗi tháng xuất chuồng 3.000 heo con cai sữa cung cấp cho các trang trại chăn nuôi heo hậu bị của Công ty TNHH Nông nghiệp Làng sen Việt Nam.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:

➤ Nhu cầu nguyên liệu của dự án :

Bảng 1.1 : Nhu cầu nguyên liệu, hóa chất của dự án.

TT	Nguyên liệu	Đơn vị	Số lượng/tháng
1	Thức ăn cho heo mẹ (2.400 con)	Kg	144.000 (2kg/con/ngày)
2	Thức ăn cho heo đực (25 con)	Kg	1.875 (2,5kg/con/ngày)
3	Thức ăn cho heo con dưới < 12kg (3.000 con)	Kg	45.000 (0,5kg/con/ngày)
4	Kháng sinh, vitamin và các loại thuốc thú y khác	Liều	21.120
5	Thuốc tiêu độc, sát trùng	Lít	24
6	Chế phẩm EM	Lít	388,5
7	Chlorine	Kg	2,6

Nguyên tắc chung khi sử dụng vắc xin: Vắc xin chủ yếu dùng để phòng bệnh.

Heo đực giống: Được nuôi để lấy tinh phục vụ cho trại hoặc cho nhả trực tiếp. Chúng được định kỳ chích ngừa 03 loại vắc xin chính: lở mồm long móng, giả dại và dịch tả. Với quy trình tiêm: Tiến hành tiêm dịch tả cho heo đực giống, sau 15 ngày tiếp tục tiêm vắc xin lở mồm long móng, giả dại. Tiêm vắc xin lở mồm long móng, giả dại, lần thứ 2 cách lần đầu 5 tháng (tiêm vắc xin cho heo giống trước khai thác 15 ngày)

Heo mẹ chích các loại vaccine: Quá trình tiêm phòng Vắc xin cho heo mẹ tiến hành theo chu kỳ (thai kỳ_tuần). Tuần thứ 10 tiến hành tiêm phòng dịch tả, tuần thứ 12 thực hiện việc tiêm phòng giả dại, lở mồm long móng, tới tuần thứ 14 tiến hành tiêm, phòng trị nội ngoại ký sinh trùng.

Heo con trong thời gian theo mẹ, nuôi úm được chích đủ các loại vaccine: tùy theo từng tuần tuổi như sau: tuần 1 tiêm suyễn, tuần thứ 2 tiêm dịch tả, tuần thứ 3 tiêm lở

mồm long móng, tuần thứ 4 tiêm tẩy ký sinh trùng, tiến hành tiêm đầy đủ các loại vaccine trước khi xuất chuồng đều được tiêm ngừa đầy đủ trước khi xuất chuồng.

Chế phẩm EM: Gọi tắt là EM (Vi sinh vật hữu hiệu- Effective microorganisms) là tập hợp các loài vi sinh vật có ích (vi khuẩn quang hợp, vi khuẩn lactic, nấm men, xạ khuẩn, nấm mốc), sống cộng sinh trong cùng môi trường.

Sử dụng chế phẩm EM sẽ kìm hãm sự phát triển của các vi sinh vật làm cho chuồng trại giảm được mùi hôi thối, tăng cường sức khỏe cho con vật.

Chế phẩm EM được sử dụng để phun trong khu vực chuồng trại và nhà chứa phân. Tổng lượng chế phẩm EM sử dụng là 12,95 lít/ngày ~ 388,5 lít/tháng.

Thuốc tiêu độc, sát trùng: Omnicide: sử dụng để sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi và phương tiện vận chuyển. Với thành phần Glutaraldehyde 15%, Coco – QAC 10%, Omnicide có phổ sát khuẩn rộng, tác động lên hầu hết các mầm bệnh nhờ vào sự kết hợp giữa glutaraldehyde và Coco QAC cùng với tá dược đặc biệt. Vì thế, Omnicide có thể tiêu diệt được các loại vi sinh vật như vi khuẩn gram dương và gram âm, bào tử vi khuẩn, nguyên sinh động vật (Zoothamnium) virus DNA có vỏ hay không có vỏ, virus RNA có vỏ hay không có vỏ, nấm. Điểm đặc trưng và lợi ích của Omnicide: Phổ sát khuẩn rộng, tác động lên mầm bệnh ngay khi tiếp xúc; An toàn cho vật nuôi và người sử dụng; Hiệu quả không bị ảnh hưởng bởi chất hữu cơ và nhiệt độ; Có khả năng phân hủy sinh học. Lượng Omnicide sử dụng là 800 ml/ngày tương đương 24 lít/tháng.

Hóa chất Chlorine: sử dụng trong khử trùng nước thải sau xử lý để tái sử dụng rửa chuồng. Đây là một chất hóa học có tác dụng oxy hóa và có tính sát trùng cực mạnh. Hóa chất chlorine là một hợp chất màu trắng, hóa chất chlorine dễ tan trong nước. Khi tan trong nước, hóa chất chlorine giải phóng khí clo làm cho nước có mùi hắc đặc trưng. Mùi có thể sốc vào mũi và gây chảy nước mắt, nước mũi ... nên người thao tác nên đeo khẩu trang và mắt kiếng để bảo vệ.

Nước thải được khử trùng bằng chlorine để tái sử dụng cho việc rửa chuồng, tiến hành châm hóa chất khử trùng là chlorine 70%, để oxy hóa các hợp chất vô cơ và hợp chất hữu cơ, tiêu diệt vi sinh, vi khuẩn, coliform trong nước thải.

Lượng chlorine sử dụng trong 01 tháng là $86,61 \text{ g/ngày} \times 30 \text{ ngày/tháng} = 2.598 \text{ g/tháng} \sim 2,6 \text{ kg/tháng}$.

➤ **Nhu cầu sử dụng nước**

Nước sinh hoạt: Theo TCXDVN 33-2006 về cấp nước – mạng lưới đường ống và công trình – tiêu chuẩn thiết kế, nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt là 100 lít/người.ngày
Tổng nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt:

$$40 \text{ người} \times 100 \text{ l/người.ngày} = 4.000 \text{ l/ngày} = 4 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

Nước dùng cho chăn nuôi:

Trang trại nuôi heo theo công nghệ mới nhằm tiết kiệm nước, phun rửa chuồng trại bằng máy phun nước áp lực cao. Do đó, tiết kiệm nước trong chăn nuôi.

Lượng heo trung bình có trong trang trại là: 2.400 con heo nái sinh sản, heo đực 25 con, heo con là 3.000 con (do trang trại cho tiến hành cho heo nái đẻ xoay vòng, trung bình 20 ngày xuất heo con 1 lần). Nhu cầu sử dụng nước phục vụ cho hoạt động chăn nuôi của trang trại được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1.2: Nhu cầu sử dụng nước cho heo

Stt	Phân loại	Định mức (lít/con)	Đầu con (con)	Lượng nước sử dụng ngày (lít/ngày)
1	Nước uống heo nái	8– 12	2.400	28.800
2	Nước uống heo đực giống	10– 12	25	300
3	Nước uống heo con	2 – 4	3.000 (Dự kiến 50.000 con/năm, 1 lứa heo 20 ngày xuất chuồng; $50.000 \times 20/365 = 2.740$). Chọn 3.000 con	12.000
4	Nước vệ sinh chuồng trại	3 – 5	2.400 +25	12.125
5	Nước sát trùng cho công nhân	2 lít/người.lần	40 người x 2 lần	160
6	Nước sát trùng cho xe	20 lít/xo	6 xe x 2 lần	240
7	Nước ngâm đản	3,5 m ³ /bể	3,5 m ³ x 4 bể	14.000
8	Nước sử dụng cho nấu chín heo (heo chết do ngộp, còi cọc và nhau thai)	10 lít/ lần nấu	10 lít/lần nấu x 4 lần/ngày	40
9	Nước sử dụng cho tắm mát			9.044
Tổng cộng				76.709

Nước sử dụng cho tắm làm mát khoảng 9,044m³/ngày được tính như sau:

+ Số lượng tắm làm mát: 1.292 tắm

+ Thể tích cần sử dụng cho mỗi tắm làm mát: 7 lít/ngày

+ Lượng nước làm mát sẽ bay hơi, do đó, cần bổ sung thêm lượng nước hàng ngày vào các tắm làm mát.

Nước sử dụng cho nấu chín heo cho cá ăn (heo chết do ngộ, còi cọc và nhau thai): Lượng heo + nhau thai nấu cho cá ăn khoảng 60kg/ngày, lượng nước sử dụng cho 1 lần nấu khoảng 10 lít/lần, và nấu 4 lần/ngày, do đó lượng nước sử dụng cho nấu chín heo khoảng 40 lít/ngày $\sim 0,04 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Với lượng nước mỗi lần nấu là 10 lít, trong quá trình nấu nước sẽ sôi và bay hơi, công ty sẽ tiến hành nấu cạn nước, do đó không phát sinh nước thải từ hoạt động này.

- Nước dùng cho PCCC: Lượng nước dự trữ cấp nước cho hoạt động chữa cháy được tính cho 01 đám cháy trong 2 giờ liên tục với lưu lượng 15 lít/giây

$$W_{cc} = 15 \text{ lít/giây} \times 2 \text{ giờ} \times 3.600 \text{ giây/1.000} = 108 \text{ m}^3$$

→ Lượng nước dùng cho toàn bộ dự án (sinh hoạt và chăn nuôi) khi có đám cháy là:

$$4 + 108 + 76,709 = 188,709 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm.}$$

→ Lượng nước dùng cho toàn bộ dự án (sinh hoạt và chăn nuôi) là:

$$4 + 76,709 = 80,709 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm.}$$

Như vậy, tổng lượng nước dùng cho toàn bộ dự án là $80,649 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (không bao gồm nước phòng cháy chữa cháy).

Bảng 1. 1 Bảng cân bằng nhu cầu cấp nước và lưu lượng nước thải phát sinh

TT	Hạng mục	Đơn vị	Lưu lượng nước cấp (m^3)	Lưu lượng nước thải (m^3)
1	Nước cấp cho sinh hoạt	$\text{m}^3/\text{ngày}$	4	4
2	Nước uống heo nái	$\text{m}^3/\text{ngày}$	28,8	28,8
3	Nước uống heo đực giống	$\text{m}^3/\text{ngày}$	0,3	0,3
4	Nước uống heo con	$\text{m}^3/\text{ngày}$	12	12
5	Nước vệ sinh chuồng trại	$\text{m}^3/\text{ngày}$	12,125	12,125
6	Nước sát trùng cho công nhân	$\text{m}^3/\text{ngày}$	0,16	0,16
7	Nước sát trùng cho xe	$\text{m}^3/\text{ngày}$	0,24	0,24
8	Nước ngâm đản	$\text{m}^3/\text{ngày}$	14	14
9	Nước sử dụng cho nấu chín heo (heo chết do ngộ, còi cọc và nhau thai)	$\text{m}^3/\text{ngày}$	0,04	-
10	Nước cấp cho tắm làm mát	$\text{m}^3/\text{ngày}$	9,044	-
11	Nước rĩ phân (lượng nước này nằm trong nước thải rửa chuồng và nước tiểu của heo)	$\text{m}^3/\text{ngày}$	-	1,32
Tổng cộng			80,709	71,625

Nước thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT sẽ được tận dụng làm nước vệ sinh chuồng trại.

➤ **Nhu cầu sử dụng điện**

Nguồn cung cấp điện cho dự án là nguồn cấp điện từ mạng lưới điện quốc gia.

Bảng 1. 2: Bảng tổng hợp sử dụng điện theo năm

Stt	Tên hạng mục	Điện tiêu thụ Kwh/năm
I	Khu trại sản xuất chính, nhà ở công nhân	167.238,5
II	Khu chứa và xử lý chất thải	34.078
III	Cổng tường rào	1.690
IV	Hệ thống làm mát	160.800
Tổng cộng		363.806,5
Chọn công suất tiêu thụ		400.000

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư (nếu có) :

Nguồn vốn đầu tư của dự án: 56.000.000.000 đồng. Trong đó:

- Vốn vay: 36.000.000.000VNĐ
- Vốn tự có: 20.000.000.000VNĐ

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):

Dự án Trang trại chăn nuôi heo công nghiệp, quy mô 2.400 con heo nái sinh sản của Công ty TNHH Thành Hưng Bình Phước đã được UBND tỉnh Bình Phước chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 08/03/2019 do đó dự án hoàn toàn phù hợp với quy hoạch phát triển của địa phương.

Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt tại quyết định số 1094/QĐ-UBND ngày 27/05/2019 dự án phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường của địa phương.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường:

Sự phù hợp của dự án Trang trại chăn nuôi heo công nghiệp, quy mô 2.400 con heo nái sinh sản đối với khả năng chịu tải của môi trường đã được đánh giá trong quá trình thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và không thay đổi.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

- Công ty đã đầu tư hệ thống mương tiêu thoát nước mưa là mương đất rộng 0,5m, sâu 0,6m, tổng chiều dài 820m qua các hố ga để lắng cát và loại bỏ các chất lơ lửng chảy về hồ chứa nước mưa bằng hồ đất của trang trại với thể tích của hồ $30\text{m} \times 60\text{m} \times 4\text{m} = 7.200\text{m}^3$.

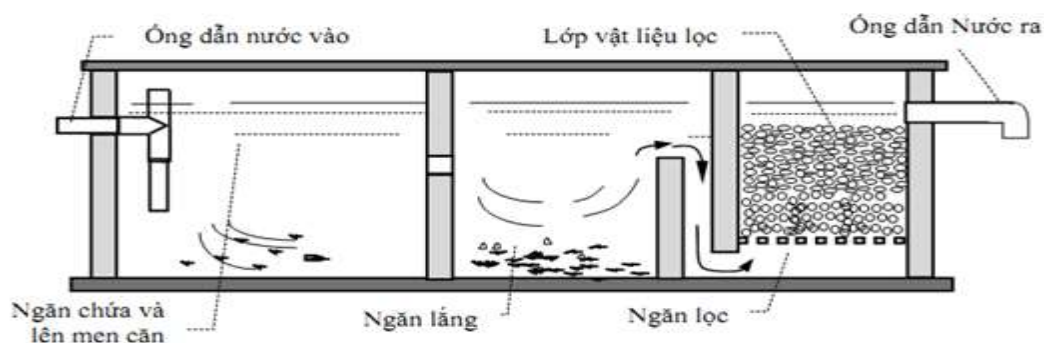
1.2. Thu gom, thoát nước thải:

- Nước thải từ nhà vệ sinh được chảy vào bể tự hoại 3 ngăn, sau đó chảy vào hệ thống xử lý nước thải chung của công ty cùng với nước thải chăn nuôi. Nước thải từ bể tự hoại được dẫn về bể biogas bằng đường ống uPVC Ø90mm, nước thải từ khu vực chuồng trại cũng được dẫn về hố CT, phần nước thải tiếp tục được dẫn về bể biogas bằng đường ống uPVC Ø140mm, nước thải từ nhà sát trùng xe được dẫn về hồ chứa nước thải sau xử lý bằng ống uPVC Ø60mm. Tổng chiều dài hệ thống ống thu gom nước thải khoảng 1.650m ống uPVC.

1.3. Công trình xử lý nước thải:

❖ Nước thải sinh hoạt:

Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của công nhân trong trại, khu vực văn phòng... được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án:

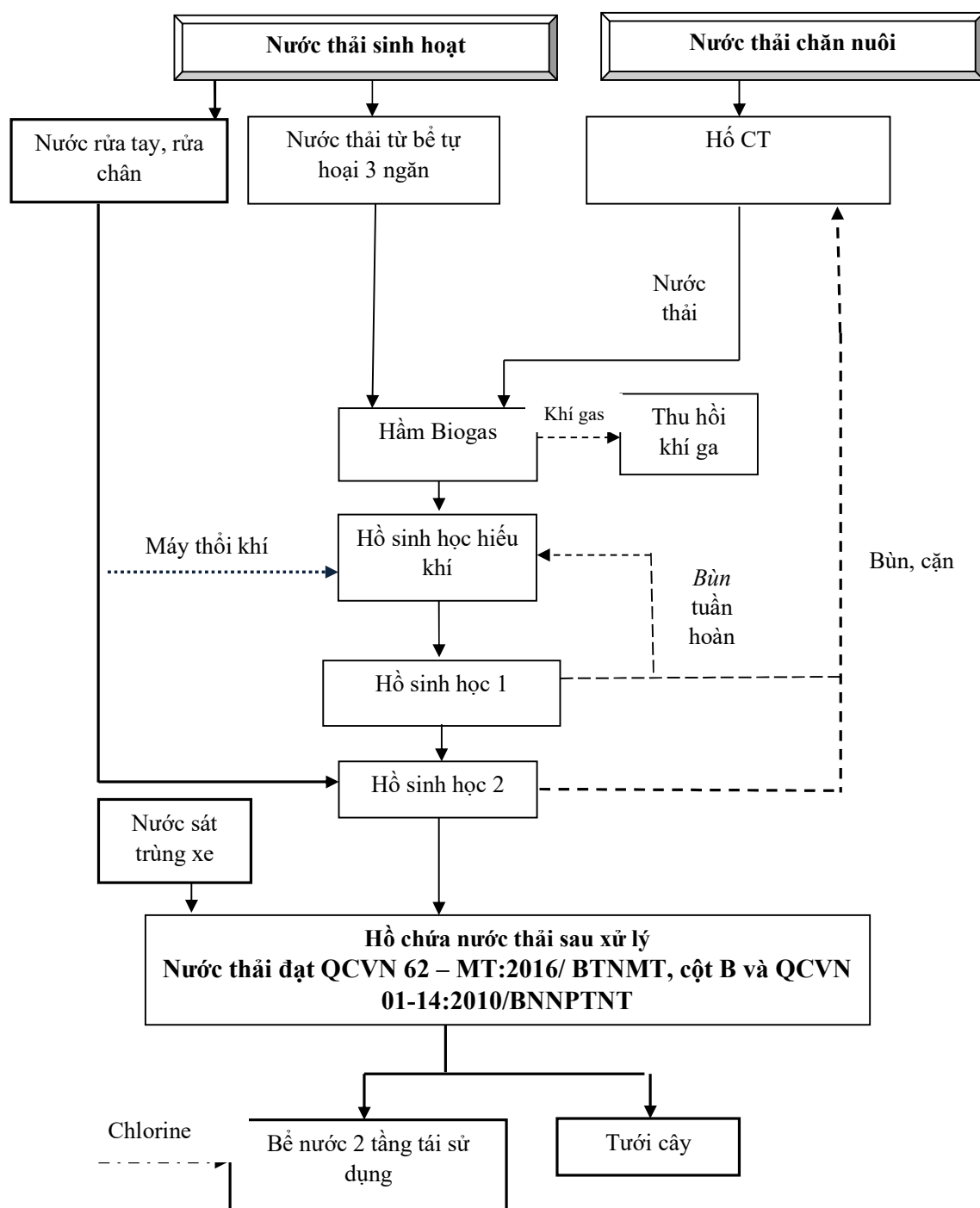


Hình 3.1: Sơ đồ của bể tự hoại 3 ngăn.

Bể tự hoại là bể trên mặt có dạng hình chữ nhật, với thời gian lưu nước 3÷4 ngày, 90% ÷ 92% các chất lơ lửng lắng xuống đáy bể. Qua thời gian 3 - 9 tháng cặn sẽ bị phân hủy kỵ khí trong ngăn lắng. Sau đó nước thải qua ngăn lọc và thoát ra ngoài theo ống dẫn. Trong ngăn lọc có chứa vật liệu lọc là đá 4x6 phía dưới, giá trên là đá 1x2. Trong mỗi bể đều có lỗ thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí và tác dụng thứ 2 của ống này là thông các ống đầu vào và ống đầu ra khi bị nghẹt. Công ty đã xây dựng 3 bể tự hoại với thể tích mỗi bể là 3m^3 .

❖ Nước thải chăn nuôi:

Công ty xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 90m³/ngày để xử lý nước thải phát sinh từ dự án theo quy trình sau:



Hình 3.2: Sơ đồ quy trình xử lý nước thải

Thuyết minh quy trình:

Nước thải sinh hoạt từ nhà xí được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn sau đó được đầu nối vào hầm biogas để tiếp tục xử lý.

Nước thải chăn nuôi sau khi đưa qua hồ CT phân phân được lắng lại, phần nước tiếp tục đi qua hầm biogas để xử lý, tại hồ CT nhờ tác dụng của trọng lực, phân được tách khỏi nước thải.

Tại hầm biogas vi sinh vật phân huỷ các chất tổng hợp và khí được sinh ra gồm metan (CH_4), nitơ (N_2), cacbon dioxit (CO_2) và hydro sulphate (H_2S). Trong đó, khí CH_4 có thể cháy được. Khi nước thải xử lý ở hầm biogas 30 ngày thì BOD, COD giảm khoảng 60%. Trong hầm Biogas, dưới sự tác động của các loại vi sinh vật kỵ khí sẽ lên men nước thải, làm giảm hàm lượng các chất ô nhiễm có trong nước thải. Hầm Biogas là một hệ thống tự động, khi khí được sinh ra trong hầm phân huỷ, lượng khí này sẽ đẩy cặn bã vào bể áp lực và ống nạp nhiên liệu. Khi mở van thì chất cặn bã trong bể áp lực và ống nạp nhiên liệu sẽ đẩy khí ra để sử dụng.

Sau khi qua hồ biogas nước thải chảy về hồ sinh học hiếu khí, quá trình phân huỷ các chất ô nhiễm xảy ra khi nước thải tiếp xúc với bùn trong điều kiện sục khí liên tục. Việc sục khí nhằm đảm bảo các yêu cầu cung cấp đủ lượng ôxy một cách liên tục và duy trì bùn hoạt tính ở trạng thái lơ lửng. Mục đích của quá trình này là dựa vào hoạt động sống và sinh sản của vi sinh vật để ổn định chất hữu cơ làm keo tụ các hạt cặn lơ lửng không lắng được.

Nước thải sau khi qua hồ sinh học hiếu khí sẽ được đưa qua hồ sinh học 1. Nước thải sau khi qua hồ sinh học 1 sẽ được qua hồ sinh học 2, nước thải sinh hoạt rửa chân, rửa tay cũng được đưa về hồ này, trong hồ sinh học diễn ra hai quá trình xử lý song song. Một là quá trình xử lý hiếu khí ở bề mặt hồ và một là quá trình xử lý kỵ khí ở đáy hồ (chủ yếu là các cặn lắng). Hồ sinh học 1,2 được thả tảo và lục bình. Bùn trong hồ sinh học 1 một phần sẽ tuần hoàn trở lại hồ sinh học hiếu khí, một phần cùng với bùn của hồ sinh học 2 được đưa về hồ CT.

Các vi khuẩn hiện diện trong nước thải tồn tại ở dạng lơ lửng. Các vi sinh hiếu khí sẽ tiếp nhận ôxy và chuyển hoá chất hữu cơ thành thức ăn. Vùng bề mặt hồ sinh học là nơi xử lý chính, nơi có tảo và vi khuẩn cộng sinh. Vùng kỵ khí xảy ra ở lớp đáy hồ, ở đây các chất hữu cơ bị phân huỷ kỵ khí sinh ra sinh ra các khí CH_4 , H_2S , N_2 , CO_2 (chủ yếu là CH_4). Trong môi trường hiếu khí, tầng phía trên có O_2 tạo phát triển tiêu thụ CO_2 làm cho pH chuyển sang kiềm.

- + Tăng cường xử lý dòng thải vào từ xử lý kỵ khí thông qua việc phân chia, phân huỷ và tiêu hóa các vật chất hữu cơ.
- + Xử lý hiếu khí phá vỡ hầu hết các dạng hữu cơ còn lại ở gần bề mặt hồ.
- + Làm giảm số lượng vi sinh vật có khả năng gây bệnh.

Nước thải sau khi qua hồ sinh học 2 sẽ dẫn về hồ chứa nước sau xử lý, đồng thời nước sát trùng của xe cũng được đưa về hồ này, nước từ hồ chứa nước thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT. Nước tại hồ chứa nước thải sau xử lý một phần bơm về bể nước 2 tầng, thực hiện châm thêm chlorine để khử trùng sau đó nước được tái sử dụng để vệ sinh chuồng.

Bảng 3.1: Thống kê công trình hệ thống xử lý nước thải đã xây dựng:

Công trình	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Chiều sâu (m)	Thể tích (m ³)	Số lượng	Vật liệu xây dựng
Hầm Biogas	70	30	4	8.400	01	Đất vát taluy, lót bạt HDPE
Hồ sinh học hiếu khí	60	30	4	7.200	01	Hồ đất, lót bạt HDPE
Hồ sinh học 1	50	25	5	6.250	01	Hồ đất, lót bạt HDPE
Hồ sinh học 2	50	25	5	6.250	01	Hồ đất, lót bạt HDPE
Hồ chứa nước thải sau xử lý	50	25	5	6.250	01	Hồ đất, lót bạt HDPE
Hố CT	8	4	2	64	01	BTCT, tráng lớp chống thấm
Hố hút phân	3	3	2	18	01	BTCT, tráng lớp chống thấm

Trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải, công ty có sử dụng một số loại hóa chất

Bảng 3.2: Các loại hóa chất sử dụng trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải

Hóa chất	Lượng hóa chất/ngày (kg/ngày)
Chlorine	0,45

Công ty đã lắp đặt công tơ điện riêng để theo dõi mức tiêu hao điện năng trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

Yêu cầu, quy chuẩn áp dụng đối với nước thải sau xử lý: QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

Công ty đã đầu tư các công trình xử lý bụi khí thải và mùi hôi tại trang trại, cụ thể:

- Khí thải máy phát điện: khí thải máy phát điện được phát tán ra môi trường bằng ống khói và được pha loãng tải đi xa. Công ty đã lắp đặt ống khói làm bằng thép không gỉ, chịu nhiệt cao với chiều cao 5,5m tính từ mặt đất, đường kính ống khói 25cm.
- Mùi hôi: công ty đã bố trí các quạt hút tại khu vực các chuồng nuôi. Mùi hôi từ quá trình chăn nuôi, từ khu vực nhà để phân được Công ty sử dụng chế phẩm EM để xử lý.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

Chất thải rắn sinh hoạt:

Công ty đã bố trí 06 thùng chứa rác chuyên dùng dung tích 120 lít có nắp đậy kín và bố trí dọc đường giao thông nội bộ, xung quanh và trong khu vực trại để thu gom rác thải và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt theo đúng quy định hiện hành.

Chất thải chăn nuôi:

➤ Phân heo:

Phân heo hằng ngày sẽ được thu gom, phân từ các chuồng heo nái được thu gom phân khô vào bao và chứa tại nhà để phân có diện tích 90 m² (15m x 6m).

Phân heo sẽ được xử lý theo điểm a, khoản 3, Điều 12 của Quyết định 25/2018/QĐ-UBND ngày 27/04/2018 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định về quản lý Nhà nước đối với hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bình Phước, trước khi đưa ra môi trường.

Để hạn chế mùi hôi và giúp xử lý phân công ty sẽ dùng chế phẩm vi sinh, tiến hành phun đều lên phân heo. Tần suất phun 1 ngày/lần. Ngoài ra, tiến hành rắc vôi bột nhằm xử lý các vi khuẩn có hại tồn tại trong phân heo tần suất 1 ngày/lần. Phân sau đó sẽ được đóng bao với trọng lượng 50kg/bao và hợp đồng với đơn vị có nhu cầu thu gom.

➤ Xác heo chết không do dịch bệnh:

Trại thường xuyên được khử trùng, heo được tiêm ngừa phòng bệnh định kỳ và có bác sỹ thú ý trực tiếp chăm sóc đàn heo nên lượng heo chết là tương đối nhỏ.

Heo chết không dịch bệnh phát sinh từ dự án sẽ được chuyển ngay ra khu vực hầm huỷ xác.

Khu vực huỷ xác: Khu vực huỷ xác được bố trí bên trong khu đất của dự án biệt lập và cách xa với khu vực chuồng nuôi. Trang trại bố trí và xây dựng hầm huỷ xác có kết cấu bê tông chống thấm, cửa đóng kín với kích thước: Dài x rộng x sâu = 10m x 5m x 4m, có 2 cửa để bỏ heo chết. Bề mặt hầm huỷ xác bố trí cửa kín có rắc vôi bột đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

Quy trình huỷ xác:

- Bước 1: Sau khi hoàn tất công tác bố trí và xây dựng hầm huỷ xác, tiến hành rải vôi bột làm lớp lót đáy của hầm huỷ xác.
- Bước 2: Cho xác động vật và sản phẩm động vật cần tiêu huỷ xuống hầm.
- Bước 3: Rải một lớp vôi bột lên lớp xác vừa được đưa vào hầm. Tùy theo số lượng xác để rải vôi bột.
- Bước 4: Đóng cửa sau khi thực hiện các bước trên. Sau khi bị chết, xác động vật sẽ được phân huỷ tương tự quá trình vô cơ hoá chất hữu cơ trong tự nhiên.
- Bước 5: Phía ngoài khu vực hầm huỷ xác, tạo một rãnh nước với kích thước: rộng 20 – 30cm và sâu 20 – 25 cm, có tác dụng dẫn nước mưa thoát ra ngoài, tránh ứ đọng nước quanh hầm huỷ xác.
- Bước 6: Trên bề mặt hầm huỷ xác, rắc vôi bột với lượng 0,8kg/m² hoặc phun dung dịch chlorine nồng độ 2%, với lượng 0,2 – 0,25 lít/m² để hạn chế khả năng phát tán mùi và nguy cơ bệnh dịch nếu có trong quá trình thao tác.

Bước 7: Khi lượng xác heo tại ngăn 1 đầy, công ty tiến hành bỏ xác heo vào ngăn thứ 2. Trong thời khoảng 3 – 6 tháng thì xác heo tại ngăn 1 đã phân huỷ và sẽ được đem đi bón cây, công ty sẽ tiếp tục bỏ xác heo vào ngăn 1, và tiếp tục như vậy cho ngăn thứ 2.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Dự báo về khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành khoảng 604 kg/năm ~ 50,3kg/tháng, cụ thể như sau:

Bảng 3.3: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại dự án

STT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	01	08 02 04
2	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn/lỏng	80	13 02 01
3	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại (bao bì mềm thải chứa thành phần nguy hại)	Rắn	78	14 02 02

STT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
	trong quá trình sát trùng xe, chuồng trại)			
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	10	16 01 06
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	26	17 02 03
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa (bao gồm chai lọ đựng thuốc thú y)	Rắn	122	18 01 03
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	83	18 02 01
8	Bao bì mềm (bao gồm bao bì thuốc thú y)	Rắn	202	18 01 01
9	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	02	19 06 01
Tổng			604	

Chất thải nguy hại được thu gom vào các thùng chứa và đưa vào kho chứa chất thải nguy hại, công ty đã xây dựng nhà chứa chất thải nguy hại diện tích 20m². Công ty đã tiến hành lập Sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 70.000376.T cấp lần đầu ngày 23/04/2020 và Công ty đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý chất thải nguy hại phát sinh tại trại.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có):

Trong quá trình hoạt động của dự án, nguồn phát sinh tiếng ồn không đáng kể, chủ yếu là tiếng ồn từ phương tiện vận chuyển và máy phát điện. Để giảm thiểu hơn nữa tiếng ồn phát sinh, một số biện pháp giảm ồn được áp dụng như sau:

- Có kế hoạch thường xuyên trong việc theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ mòn chi tiết, thường kỳ tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của động cơ xe tải và máy phát điện).
- Máy phát điện được đặt trong phòng cách ly cách xa khu vực nhà kho, máy được đặt trên giá đỡ có các chân đệm bằng cao su, gỗ nhằm hạn chế tiếng ồn.
- Chuồng trại được che chắn giảm thiểu việc phát tán tiếng ồn của heo
- Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án
- Các phương tiện vận chuyển hạn chế nổ máy trong thời gian chờ bốc dỡ heo và nguyên liệu lên xuống xe.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành:

▪ *Biện Biện pháp giảm thiểu lan truyền dịch bệnh*

Chương trình vệ sinh phòng dịch của khu trại sẽ được thực hiện nghiêm ngặt và đúng theo Quyết định 16/2016/QĐ-TTg về thành lập, tổ chức, hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh động vật, Thông tư 07/2016/TT-BNNPTN quy định về phòng chống dịch bệnh động vật trên cạn, Thông tư 04/2011/TT – BNNPTNT ngày 24/01/2011 Thông Hướng dẫn các biện pháp phòng, chống bệnh dịch tả lợn;

Xây dựng các chương trình an toàn sinh học

Để phòng ngừa dịch bệnh lan truyền, trang trại sẽ thực hiện các biện pháp dưới đây:

Yêu cầu về chuồng trại

- Trại chăn nuôi phải có tường hoặc hàng rào bao quanh nhằm kiểm soát được người và động vật ra vào trại.
- Trại chăn nuôi phải bố trí riêng biệt các khu: khu chăn nuôi; khu vệ sinh, sát trùng thiết bị chăn nuôi; khu tắm rửa, khử trùng, thay quần áo cho công nhân và khách thăm quan; khu cách ly lợn ốm; khu mổ khám lâm sàng và lấy bệnh phẩm; khu tập kết và xử lý chất thải; khu làm việc của cán bộ chuyên môn; các khu phụ trợ khác (nếu có).
- Cổng ra vào trại chăn nuôi, khu chuồng nuôi và tại lối ra vào mỗi dãy chuồng nuôi phải bố trí hồ khử trùng.
- Chuồng nuôi lợn phải bố trí hợp lý theo các kiểu chuồng về vị trí, hướng, kích thước, khoảng cách giữa các dãy chuồng theo quy định hiện hành về chuồng trại.
- Nền chuồng phải đảm bảo không trơn trượt và phải có rãnh thoát nước đối với chuồng sàn, có độ dốc từ 3-5% đối với chuồng nền.
- Vách chuồng phải nhẵn, không có góc sắc, đảm bảo lợn không bị trầy xước khi cọ sát vào vách chuồng.
- Mái chuồng phải đảm bảo không bị dột nước khi mưa.
- Đường thoát nước thải từ chuồng nuôi đến khu xử lý chất thải phải kín, đảm bảo dễ thoát nước và không trùng với đường thoát nước khác.
- Các thiết bị, dụng cụ chứa thức ăn, nước uống phải đảm bảo không gây độc và dễ vệ sinh tẩy rửa.
- Các dụng cụ khác trong các chuồng trại (xẻng, xô, ...) phải đảm bảo dễ vệ sinh, tẩy rửa sau mỗi lần sử dụng.
- Các kho thức ăn, kho thuốc thú y, kho hoá chất và thuốc sát trùng, kho thiết bị, ... phải được thiết kế đảm bảo thông thoáng, không ẩm thấp và dễ vệ sinh, tiêu độc khử trùng.

Yêu cầu về con giống

- Lợn giống mua về nuôi phải có nguồn gốc rõ ràng, khoẻ mạnh, có đầy đủ giấy kiểm dịch và phải có bản công bố tiêu chuẩn chất lượng kèm theo. Trước khi nhập đàn, lợn phải được nuôi cách ly theo quy định hiện hành.
- Lợn giống sản xuất tại cơ sở phải thực hiện công bố tiêu chuẩn. Chất lượng con giống phải bảo đảm đúng tiêu chuẩn đã công bố.
- Lợn giống phải được quản lý và sử dụng phù hợp theo quy định hiện hành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thức ăn, nước uống

- Thức ăn sử dụng cho chăn nuôi lợn phải đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn và khẩu phần ăn của các loại lợn.
- Không sử dụng thức ăn thừa của đàn lợn đã xuất chuồng, thức ăn của đàn lợn đã bị dịch cho đàn lợn mới.
- Bao bì, dụng cụ đựng thức ăn của đàn lợn bị dịch bệnh phải được tiêu độc, khử trùng.
- Nước dùng cho lợn uống phải đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng.
- Trong trường hợp phải trộn thuốc, hoá chất vào thức ăn, nước uống nhằm mục đích phòng bệnh hoặc trị bệnh phải tuân thủ thời gian ngừng thuốc, ngừng hoá chất theo hướng dẫn của nhà sản xuất; không được sử dụng kháng sinh, hoá chất trong danh mục cấm theo quy định hiện hành.

Chăm sóc, nuôi dưỡng

- Các trại chăn nuôi phải có quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng phù hợp các loại lợn theo các giai đoạn sinh trưởng phát triển.
- Mật độ nuôi, cung cấp thức ăn nước uống, vệ sinh thú y phải phù hợp theo quy định hiện hành.

Vệ sinh thú y

- Chất sát trùng tại các hố sát trùng ở cổng ra vào trại chăn nuôi, khu chăn nuôi và chuồng nuôi phải bổ sung hoặc thay hàng ngày.
- Tất cả các phương tiện vận chuyển khi vào trại chăn nuôi, khu chăn nuôi phải đi qua hố khử trùng và phải được phun thuốc sát trùng. Mọi người trước khi vào khu chăn nuôi phải thay quần áo, giày dép và mặc quần áo bảo hộ của trại; trước khi vào các chuồng nuôi phải nhúng ủng hoặc giày dép vào hố khử trùng.
- Định kỳ phun thuốc sát trùng xung quanh khu chăn nuôi, các chuồng nuôi ít nhất 1 lần/2 tuần; phun thuốc sát trùng lối đi trong khu chăn nuôi và các dãy chuồng nuôi ít nhất 1 lần/tuần khi không có dịch bệnh, và ít nhất 1 lần/ngày khi có dịch bệnh; phun thuốc sát trùng trên lợn 1 lần/tuần khi có dịch bệnh bằng các dung dịch sát trùng thích hợp theo hướng dẫn của nhà sản xuất.
- Định kỳ phát quang bụi rậm, khơi thông và vệ sinh cống rãnh trong khu chăn nuôi ít nhất 1 lần/tháng.

- Không vận chuyển lợn, thức ăn, chất thải hay vật dụng khác chung một phương tiện; phải thực hiện sát trùng phương tiện vận chuyển trước và sau khi vận chuyển.
- Phải vệ sinh máng ăn, máng uống hàng ngày.
- Có biện pháp để kiểm soát côn trùng, loài gặm nhấm và động vật khác (nếu có) trong khu chăn nuôi. Khi sử dụng bẫy, bả phải có biển thông báo và ghi sơ đồ chi tiết vị trí đặt bẫy, bả và thường xuyên kiểm tra thu gom để xử lý.
- Thực hiện các quy định về tiêm phòng cho đàn lợn theo quy định. Trong trường hợp trại có dịch, phải thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành về chống dịch.
- Áp dụng phương thức chăn nuôi “cùng vào cùng ra” theo thứ tự ưu tiên cả khu, từng dãy, từng chuồng, từng ô.
- Sau mỗi đợt nuôi phải làm vệ sinh, tiêu độc khử trùng chuồng, dụng cụ chăn nuôi và để trống chuồng ít nhất 7 ngày trước khi đưa lợn mới đến. Trong trường hợp trại bị dịch, phải để trống chuồng ít nhất 21 ngày.

Xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

- Các trại chăn nuôi bắt buộc phải có hệ thống xử lý chất thải trong quá trình chăn nuôi.
- Chất thải rắn trước khi đưa ra ngoài phải được xử lý đảm bảo vệ sinh dịch tễ theo quy định hiện hành tại Điều 12 Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 27/04/2018 của UBND tỉnh Bình Phước.
- Các chất thải lỏng phải được dẫn trực tiếp từ các chuồng nuôi đến khu xử lý bằng đường thoát riêng. Chất thải lỏng phải được xử lý bằng hoá chất hoặc bằng phương pháp xử lý sinh học phù hợp. Nước thải sau khi xử lý đạt chuẩn được tái sử dụng để tưới cây và vệ sinh chuồng trại.

Vận chuyển heo con ra khỏi trại và heo nái vào trại

- Chỉ nên nhận heo khi trời mát (sáng sớm hoặc chiều mát).
- Phương tiện vận chuyển phải rộng, thoáng và an toàn.
- Không vận chuyển số lượng lớn heo trên cùng một xe.
- Khi vận chuyển đường dài dưới trời nắng nóng thì cần:
 - Bỏ nước đá vào sàn xe
 - Hạn chế cho xe nghỉ dọc đường, nhất là lúc xe vừa mới chạy. Khi thật cần thiết thì cho xe đậu vào nơi có bóng mát, thoáng gió. Tuyệt đối không tắm heo dọc đường.

Nhận heo vào trại

- Ngày đầu cho heo ăn khoảng $\frac{1}{2}$ định lượng, ngày thứ 2 là $\frac{3}{4}$ và ngày thứ 3 cho heo ăn đúng khẩu phần. Bổ sung thêm premix khoáng - vitamin để tăng sức đề kháng cho gia súc.
- Hòa tan vitamin C vào nước cho heo uống tự do. Sử dụng nước uống sạch, không dùng nước ao hồ tù đọng hoặc nước giếng có hàm lượng sắt cao.

➤ Khi có bệnh xảy ra phải:

- Thông báo ngay cho cơ quan quản lý địa phương;

- Không bán chạy, không ăn thịt gia súc trong đàn bị bệnh, không vứt xác chết bừa bãi;
- Cách ly ổ dịch, tiêu hủy toàn bộ gia súc chết, mắc bệnh và các gia súc khác trong đàn theo hướng dẫn của cơ quan quản lý địa phương.
- Vệ sinh tiêu độc ổ dịch theo trình tự sau:
 - + Phun sát trùng, tiêu độc toàn bộ khu vực chăn nuôi liên tục 2-3 lần trong tuần đầu. Riêng chuồng nuôi phải để nguyên trạng, phun thuốc sát trùng và ủ 5-7 ngày;
 - + Quét dọn, thu gom và tiêu hủy phân.
 - + Rửa sạch chuồng trại và các dụng cụ chăn nuôi phải được thu gom.
 - + Việc nuôi gia cầm trở lại phải được sự đồng ý của các cơ quan quản lý;

❖ Các biện pháp xử lý và phòng chống khi xảy ra dịch bệnh:

➤ Khi có bệnh xảy ra phải:

- Thông báo ngay cho cán bộ thú y;
- Không bán chạy, không ăn thịt gia súc trong đàn bị bệnh, không vứt xác chết bừa bãi;
- Cách ly ổ dịch, tiêu hủy toàn bộ gia súc chết, mắc bệnh và các gia súc khác trong đàn theo hướng dẫn của cơ quan quản lý địa phương.
- Vệ sinh tiêu độc ổ dịch theo trình tự sau:
 - + Phun sát trùng, tiêu độc toàn bộ khu vực chăn nuôi liên tục 2-3 lần trong tuần đầu. Riêng chuồng nuôi phải để nguyên trạng, phun thuốc sát trùng và ủ 5-7 ngày;
 - + Quét dọn, thu gom và tiêu hủy phân.
 - + Rửa sạch chuồng trại và các dụng cụ chăn nuôi phải được thu gom.
 - + Việc nuôi gia súc trở lại phải được sự đồng ý của các cơ quan quản lý thú y.
 - + **Chú ý:** Tất cả những người tiếp xúc với gia súc bệnh, phải sử dụng bảo hộ lao động, tránh lây nhiễm bệnh.

➤ Biện pháp phòng tránh chung trong vùng chưa có dịch

Không tiếp xúc với gia súc, trừ trường hợp bắt buộc.

Người chăn nuôi phải sử dụng trang bị bảo hộ lao động trong khi làm việc. Sau khi làm việc phải tắm rửa, để quần áo, giày dép ở khu vực riêng.

➤ Biện pháp phòng tránh trong vùng dịch

Người chăn nuôi, người vận chuyển, kiểm tra và tiêu hủy gia súc phải sử dụng trang bị bảo hộ lao động:

- Mặc quần áo bảo hộ liên bộ, dài tay, không thấm nước;
- Đeo găng tay cao su loại dày đã được khử trùng;
- Đeo khẩu trang; đeo kính bảo hộ; đội mũ bảo hộ; đi ủng cao su
- Những người tiếp xúc với gia súc bệnh cần rửa tay sạch sẽ bằng xà phòng.
- Thường xuyên theo dõi sức khỏe đàn heo. Nếu thấy có heo bệnh:
 - Phải báo ngay cho cán bộ thú y, cán bộ kỹ thuật của Công ty;
 - Không bán chạy, không ăn thịt gia cầm bệnh, không vứt xác chết bừa bãi;
 - Phải tiêu hủy toàn bộ đàn gia cầm theo quy định;
 - Quét dọn phân, khử trùng chuồng nuôi, dụng cụ chăn nuôi theo hướng dẫn của thú y;

- Những người đã tiếp xúc với gia súc bệnh, khi thấy có biểu hiện như ho, sốt phải đến ngay cơ sở y tế gần nhất để khám.

 Biện pháp giảm thiểu sự cố cháy nổ

Những biện pháp ứng phó sự cố cháy nổ được triển khai triệt để trong giai đoạn trại đi vào hoạt động.

- Khi xây dựng cần quy định rõ khu nhà kho, khu trữ dầu đảm bảo vệ sinh, dọn sạch khi vận chuyển nguyên vật liệu, và khi lắp đặt thiết bị cần thiết phải thực hiện hệ thống thông gió để giảm nồng độ chất gây cháy, giảm nhiệt độ không khí cũng như cách ly các bảng điện, tủ điện điều khiển...Đồng thời trong các giai đoạn công nghệ cần lưu ý tiếp đất cho các thiết bị.

- Các máy móc, thiết bị phải có lý lịch kèm theo và phải được đo đạc, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật.

- Công nhân hoặc cán bộ vận hành phải được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách khi có sự cố và luôn luôn có mặt tại vị trí của mình, thao tác và kiểm tra, vận hành đúng kỹ thuật.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống dẫn khí biogas và thiết bị lưu chứa khí.

- Tiến hành sửa chữa định kỳ các máy móc thiết bị.

- Các trang thiết bị ứng phó khi có sự cố cháy trại: họng cứu hỏa, bình CO₂ MT3, máy bơm,..

– Giảm thiểu sự cố cháy nổ do biogas:

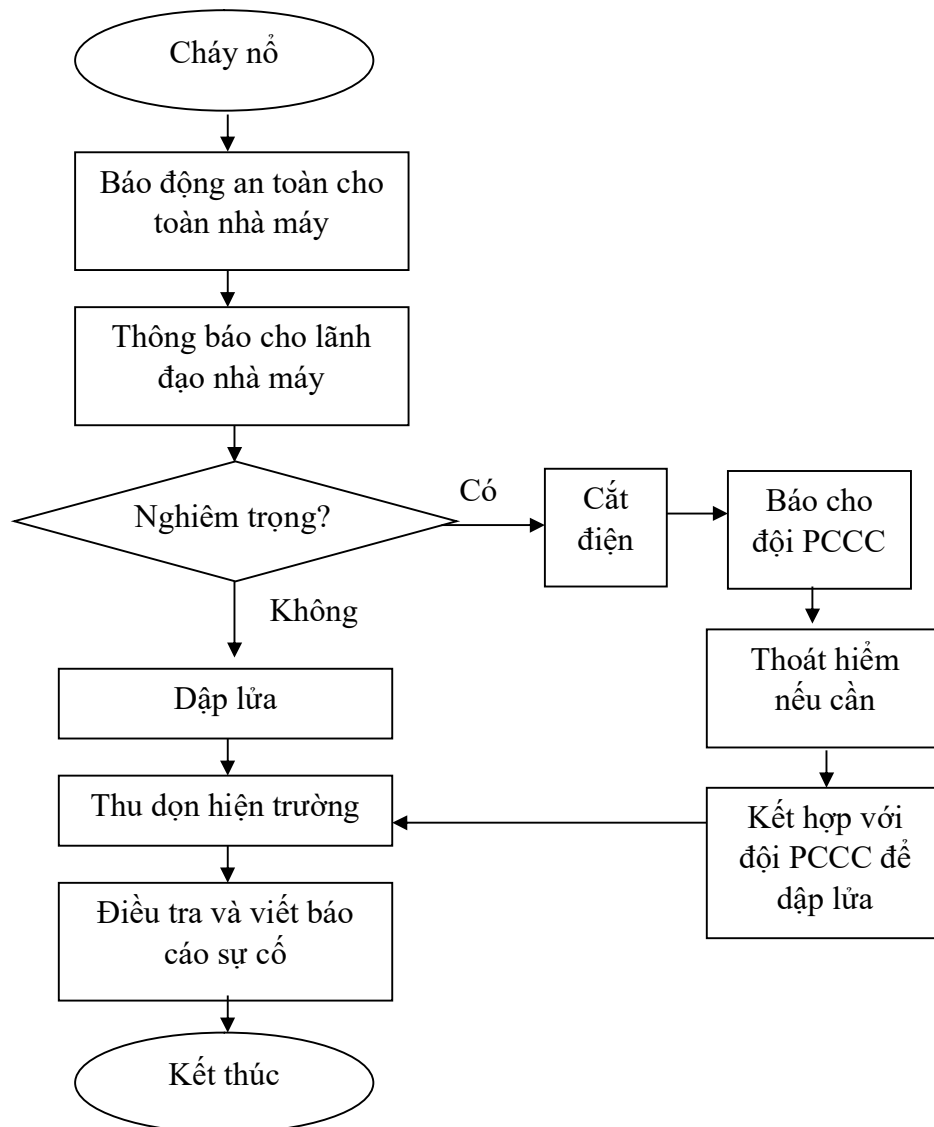
+ Thường xuyên theo dõi áp suất khí, hệ thống đường ống dẫn khí và hoạt động của van bếp để phát hiện, sửa chữa khắc phục rò rỉ khí qua đường ống. Khi thấy hờ khí gas (có mùi) tiến hành sửa chữa ngay. Khi châm thử mức độ cháy của khí gas, tuyệt đối không được thực hiện ở đường ống dẫn khí mà chỉ được thực hiện ở bếp; tại nơi có khí thoát ra ngoài do đường ống hờ cần tuyệt đối cấm lửa, hút thuốc, dùng đèn dầu. Khi dùng bếp cần chú ý đưa lửa tới gần rồi mới mở van cho khí ra.

+ Khi sử dụng bếp gas: khi đun nấu xong phải khóa chặt van gas. Không được mở van gas mà không đốt lửa. Vì khí gas hờ không được đốt cháy sẽ là loại khí độc cho người và dễ gây hỏa hoạn.

+ Không đặt bếp gas gần vật dễ cháy như rơm, rạ... phải có bệ cao trên mặt đất dành riêng cho bếp gas.

+ Không được để vật nặng hoặc để xe ô tô và các xe cộ đi lại trong khu vực hầm biogas, điều này làm cho hầm biogas bị chấn động gây hờ hoặc có thể bị sập gây nguy hiểm.

- Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ:



Hình 3.4: Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ

▪ **Biện pháp tổ chức ứng phó tại chỗ khi có sự cố cháy nổ:**

- Báo động toàn bộ khu vực, cử người gọi điện thoại cơ quan PCCC số 114.
- Cúp điện bên trong khu vực dự án, gọi điện thoại báo chính quyền địa phương như công an, quân đội đến để phối hợp chữa cháy.
- Thông tin về tình hình cháy, chữa cháy cho Trưởng ban PCCC, lãnh đạo cơ sở và chỉ huy chữa cháy biết để có hướng chỉ đạo.
- Tổ chức sơ tán người ra khỏi khu vực cháy, tập trung về khu vực an toàn và tiến hành kiểm tra số lượng cán bộ, công nhân viên.
- Nếu có người bị nạn phải tổ chức sơ cấp cứu và đưa đi bệnh viện gần nhất.
- Tổ chức chữa cháy bằng các phương tiện chữa cháy tại chỗ đã được trang bị để dập lửa và chống cháy lan ra xung quanh và cùng phối hợp với lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp.
- Di chuyển tài sản, hàng hóa trong khu vực cháy và khu vực lân cận có nguy cơ

bị cháy lan ra nơi an toàn.

❖ *Biện pháp giảm thiểu tai nạn lao động*

Để đảm bảo an toàn lao động, Công ty thực hiện các biện pháp sau:

- Tổ chức các buổi tập huấn an toàn lao động định kỳ cho toàn Công ty.
- Giám sát chặt chẽ việc tuân thủ an toàn lao động của công nhân.

❖ *Biện pháp khắc phục sự cố bể tự hoại*

- Định kỳ 1 năm/lần bơm hút bể tự hoại.
- Nếu xảy ra sự cố, Chủ Dự án sẽ kịp thời sửa chữa, khắc phục để tránh gây tác động tới môi trường.

❖ *Biện pháp khắc phục sự cố đối với HTXL nước thải*

- Có nhân viên vận hành đúng chuyên môn. Thường xuyên kiểm tra hệ thống để có biện pháp khắc phục kịp thời.

– Các máy móc, thiết bị phục vụ cho việc xử lý nước thải đa số đều có mua thiết bị dự phòng. Tuy nhiên nếu xảy ra sự cố, Công ty sẽ báo ngay với đơn vị có chức năng để sửa chữa kịp thời và giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường.

– Sự cố gây ảnh hưởng đến hiệu suất xử lý như hồ bị quá tải, vi sinh vật sốc tải hoặc thiết bị sục khí gặp sự cố: kích thước các hồ xử lý nước thải rất lớn, lưu chứa nước thải phát sinh được hơn 30 ngày, thiết bị sục khí công ty sẽ tiến hành lắp đặt 02 máy, đảm bảo có hoạt động dự phòng, khi có sự cố kịp thời sửa chữa khắc phục. Ngoài ra, công ty sẽ bố trí công nhân vận hành thường xuyên kiểm tra hệ thống hàng ngày để kịp thời phát hiện sự cố.

– Trong trường hợp hồ chứa nước sau xử lý bị không đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột B, lượng nước này sẽ được đưa vào lại hầm biogas và xử lý lại.

❖ *Biện pháp giảm thiểu sự cố hóa chất*

– Việc lưu trữ và sử dụng thuốc, hóa chất phải thực hiện tuân thủ theo TCVN 5507:2002, tiêu chuẩn Việt Nam về hóa chất nguy hiểm, quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển.

– Hóa chất tồn trữ trong kho được chứa đựng trong các bao bì theo quy định của nhà sản xuất, đảm bảo kín, chắc chắn;

– Hóa chất được đặt trong kho theo nhóm, mỗi nhóm sẽ để một vị trí khác nhau để đảm bảo an toàn hóa chất và có biểu tượng cảnh báo đặc trưng của nhóm;

– Bên ngoài kho có biển cảnh báo “CẤM LỬA”, “CẤM HÚT THUỐC”;

– Hóa chất dạng lỏng chứa trong can nhựa chuyên dụng;

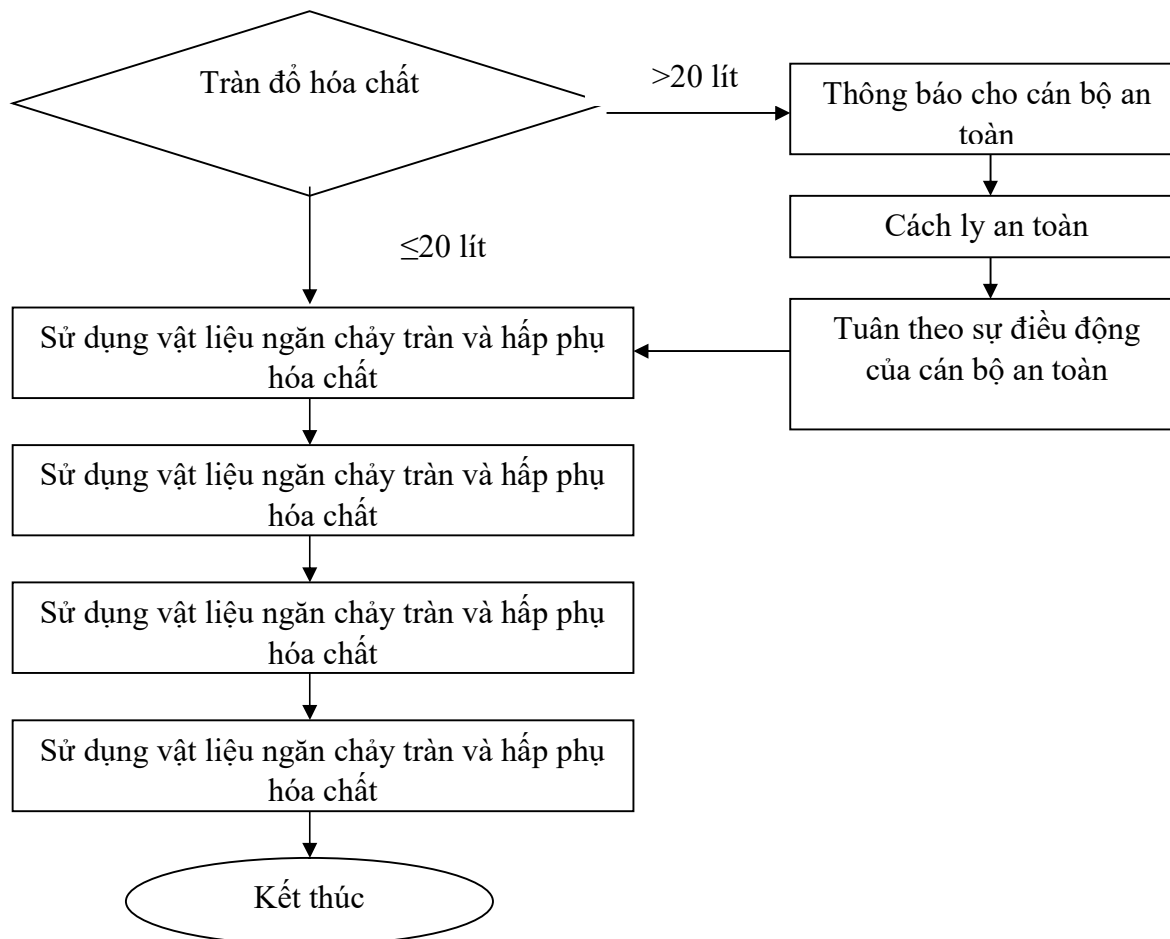
– Công nhân thao tác được phổ biến kiến thức về từng loại hóa chất, cách sử dụng cũng như tính chất nguy hiểm, cách ứng phó với sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất hay hóa chất dính vào cơ thể.

– Hóa chất có dán nhãn tên hóa chất và hướng dẫn sử dụng.

– Ngoài ra Chủ đầu tư sẽ tiến hành công tác đánh giá thiệt hại, xác định những hư hại và phân cần sửa chữa để có kế hoạch cụ thể khắc phục, báo cáo cơ quan chức năng nếu gây hậu quả nghiêm trọng.

– Không dùng lại các loại bao bì hóa chất đã sử dụng. Những bao bì sau khi dùng hết sẽ được bảo quản riêng và gửi lại cho nhà sản xuất. Còn những bao bì bị rách hoặc hư hỏng sẽ được bảo quản riêng trong kho chất thải nguy hại và chuyển cho các công ty chuyên xử lý chất thải.

– Quy trình ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất như sau:



Hình 3.5. Quy trình ứng phó khi có sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất

- Kho chứa hoá chất và các loại thuốc dùng cho hoạt động chăn nuôi sẽ được xây dựng theo đúng hướng dẫn của Bộ Công thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có): Không

8. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi (nếu có): không

9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có): Không

10. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có):

Bảng 3.4: Những nội dung thay đổi về phương án xử lý chất thải giữa quyết định phê duyệt kết quả thẩm định ĐTM so với thực tế

STT	Tên công trình bảo vệ môi trường	Phương án đề xuất trong báo cáo ĐTM	Phương án điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện	Lý do thay đổi
1	Xử lý xác heo chết không do dịch bệnh và nhau thai	Heo chết không do dịch bệnh và nhau thai một phần sẽ được nấu chín bằng gas và nghiền nhỏ trước khi mang cho cá ăn, cá nuôi trong hồ chứa nước thải sau xử lý. Lượng heo chết và nhau thai còn dư bỏ sẽ được bỏ vào tủ đông và hợp đồng thu gom.	Heo chết không do dịch bệnh và nhau thai → thu gom → Hàm huỷ xác. Khu vực huỷ xác được bố trí bên trong khu đất của dự án biệt lập và cách xa với khu vực chuồng nuôi. Hàm huỷ xác có kết cấu bê tông chống thấm, cửa đóng kín với kích thước: Dài x rộng x sâu = 10m x 5m x 4m, có 2 cửa để bỏ heo chết. Bề mặt hàm huỷ xác bố trí cửa kín có rắc vôi bột đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.	Qua thực tế kiểm nghiệm hiện nay nếu nấu chín và cho cá ăn dễ gây nên nguy cơ ô nhiễm cho nước trong hồ nuôi cá. Do đó công ty xin chuyển qua phương án xử lý xác heo chết không dịch bệnh bằng phương pháp vô cơ hoá nhờ phân huỷ tại hàm huỷ xác.
2	Phân heo	Phân heo hằng ngày được thu gom về hố CT, sau đó bơm lên máy ép phân, ép đến độ ẩm đạt, được đóng bao và lưu trữ trong nhà để phân. Phân heo sau khi ép sẽ được bán cho đơn vị có nhu cầu.	Phân heo được thu gom khô, sau đó đóng bao lưu trữ trong nhà chứa phân và hợp đồng với đơn vị có nhu cầu.	Để phù hợp thực tế chăn nuôi tại trại heo nái, công ty xin thay đổi phương án thu gom và xử lý phân heo từ ép phân sang thu gom phân khô.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải (nếu có):

- Nguồn phát sinh nước thải: của dự án gồm 02 nguồn thải chính
- + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt
- + Nguồn số 02: Nước thải chăn nuôi
- Lưu lượng xả thải tối đa: Tổng lưu lượng phát sinh nước thải của dự án là 71,625m³/ngày đêm cụ thể như sau:
 - + Nguồn số 01: Lưu lượng nước thải tối đa khoảng 4m³/ngày đêm
 - + Nguồn số 02: Lưu lượng nước thải tối đa là 67,625m³/ngày đêm
- Dòng nước thải: Dự án có 02 nguồn nước thải gồm nước thải chăn nuôi, nước thải sinh hoạt được xử lý tập trung qua hệ thống xử lý nước thải và đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột B và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT trước khi đưa vào mục đích tưới tiêu, rửa chuồng, làm mát.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Nước thải của dự án là nước thải sinh hoạt, chăn nuôi được xử lý đạt cột B QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, QCVN 01-14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trang trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học; giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng thải như sau:

Bảng 4. 1. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải của dự án

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	QCVN 62-MT:2016/BTNMT, Giá trị C - Cột B	QCVN 01-14:2010/BNNPTNT
1	pH	-	5,5 - 9	-
2	BOD ₅	mg/L	100	-
3	COD	mg/L	300	-
4	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/L	150	-
5	Tổng Nitơ	mg/L ml	150	-
6	Tổng Coliform	MPN/100mL hoặc CDU/100 ml	5000	5000
7	Coli phân	MPN/100mL	-	500
8	Salmonella	MPN/50mL	-	KPH

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau khi được xử lý được tái sử dụng vào mục đích tưới tiêu, rửa chuồng, rửa đường và làm mát cho trang trại.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (nếu có): Không

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):

Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Các phương tiện tham gia vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm ra vào trang trại;
- Nguồn số 2: Từ quá trình chạy máy phát điện khi mất điện, tuy nhiên tác động do tiếng ồn phát sinh từ nguồn này là không thường xuyên.
- Nguồn số 3: Tiếng ồn do tiếng heo kêu

Giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

- Tiếng ồn tại dự án nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 24:2016/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc là 85 dBA.

4. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại (nếu có): Không

5. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất (nếu có): Không

CHƯƠNG V

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đã thực hiện:

1.1. Kết quả đánh giá hiệu quả của công trình xử lý nước thải

Để phân tích kết quả vận hành hệ thống xử lý nước thải Công ty đã phối hợp với Trung tâm nghiên cứu Dịch vụ Công nghệ & Môi trường, Công ty cổ phần dịch vụ tư vấn Môi trường Hải Âu và Công ty cổ phần Xây dựng & Môi trường Đại Phú tiến hành quan trắc và phân tích mẫu nước thải.

- Phương pháp đo đạc, lấy mẫu và phân tích :
- Phương pháp lấy mẫu, bảo quản mẫu nước thải :

Bảng 5.1 : Phương pháp lấy mẫu

TT	Loại mẫu	TCVN lấy mẫu
1	Nước thải	TCVN 5999:1995 TCVN 6663-3:2016 TCVN 6663-1:2011

Phương pháp phân tích mẫu, áp dụng đối với phương pháp phân mẫu nước thải bảng sau:

Bảng 5.2 : Phương pháp phân tích trong phòng thí nghiệm

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	pH	-	TCVN 6492 : 2011
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/L	TCVN 6001 -1: 2008
3	COD	mg/L	SMEWW 5520.C : 2012
4	TSS	mg/L	TCVN 6625 : 2000
5	Tổng nitơ	mg/L	TCVN 6638 : 2000
6	Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187 – 2:1996
7	Coli phân	MPN/100mL	TCVN 6187 – 2:1996
8	Salmonella	MPN/100mL	ISO 19250:2010

- Thời gian tiến hành thử nghiệm và lấy mẫu phân tích

Đối với mẫu nước thải từng công đoạn, mẫu tổ hợp được lấy theo thời gian gồm 05 mẫu đơn lấy ở 05 thời điểm khác nhau trong ngày (sáng, trưa – chiều, chiều – tối) được trộn đều với nhau.

Thông số quan trắc của từng công đoạn xử lý là thông số ô nhiễm chính được sử dụng để tính toán thiết kế cho từng công đoạn xử lý:

Bảng 5.3 : Vị trí lấy mẫu tại các hồ bể của hệ thống xử lý nước thải.

TT	Vị trí lấy mẫu	Thông số	Tổng số mẫu (tổ hợp)	Ngày lấy	Quy chuẩn
1	NT01 : Đầu vào Biogas	BOD ₅ , COD, TSS, Tổng Nito	05 mẫu	13/12/2021 28/12/2021 12/01/2022 27/01/2022 11/02/2022	QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B, QCVN 01-14:2010 /BNNPTNT
2	NT02 : Đầu ra Biogas		05 mẫu		
3	NT03 : Hồ sinh học hiếu khí		05 mẫu		
4	NT04 : hồ sinh học 2	BOD ₅ , COD, TSS, Tổng Nito,	05 mẫu		
5	NT05 : Hồ chứa nước thải sau xử lý	Coli phân, Coliform, Samonella	05 mẫu		

Đối với mẫu nước thải đánh giá sự phù hợp của toàn bộ hệ thống xử lý nước thải, mẫu tổ hợp được lấy theo thời gian gồm 07 mẫu đơn.

Bảng 5.4 : Các thông số quan trắc tại mẫu nước thải trước HTXLNT và sau HTXLNT.

TT	Vị trí lấy mẫu	Thông số	Tổng số mẫu (tổ hợp)	Ngày lấy	Quy chuẩn
1	NT01 : Mẫu nước thải trước khi vào hệ thống xử lý nước thải	pH, BOD ₅ , COD, TSS,	01 mẫu	12/02/2022	QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B, QCVN 01-14:2010/BNNPTNT
2	NT02 : Mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải	Tổng Nito, T. Coliform, Coli phân, Samonella	07 mẫu	12/02/2022 14/02/2022 15/02/2022 16/02/2022 17/02/2022 18/02/2022 19/02/2022	

 Kết quả phân tích :

Đối với mẫu nước thải từng công đoạn có kết quả như sau :

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; hiệu suất xử lý	Lưu lượng thải (m ³ /ngày)	Thông số ô nhiễm chính tại Biogas							
		<i>BOD₅</i>		<i>COD</i>		<i>TSS</i>		<i>Tổng Nito</i>	
		Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
Lần 1	62	630,3	198,8	953,4	378,1	454,0	162,0	82,0	57,0
Hiệu suất lần 1		68,46		60,34		64,32		30,49	
Lần 2	58	654,5	218,2	1024,0	416,0	469,0	161,0	80,0	56,0
Hiệu suất lần 2		66,66		59,38		65,67		30,00	
Lần 3	61	678,8	208,5	992,0	384,0	440,0	156,0	83,0	57,0
Hiệu suất lần 3		69,28		61,29		64,55		31,33	
Lần 4	65	819,0	288,0	964,0	384,0	502,0	171,0	82,5	56,3
Hiệu suất lần 4		64,84		60,17		65,94		31,76	
Lần 5	67	799,0	280,0	978,0	389,0	480,0	168,0	84,0	57,0
Hiệu suất lần 5		64,96		60,22		65,00		32,14	

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; hiệu suất xử lý	Lưu lượng thải (m ³ /ngày)	Thông số ô nhiễm chính tại Hồ sinh học hiếu khí							
		<i>BOD₅</i>		<i>COD</i>		<i>TSS</i>		<i>Tổng Nito</i>	
		Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
Lần 1	62	198,8	169,7	378,1	312,3	162,0	132,0	57,0	47,0
Hiệu suất lần 1		14,64		17,40		18,52		17,54	
Lần 2	58	218,2	193,9	416,0	352,0	161,0	131,0	56,0	47,0
Hiệu suất lần 2		11,14		15,38		18,63		16,07	
Lần 3	61	208,5	181,8	384,0	320,0	156,0	126,0	57,0	48,0
Hiệu suất lần 3		12,81		16,67		19,23		15,79	
Lần 4	65	288,0	244,0	384,0	323,0	171,0	138,0	56,3	47,0
Hiệu suất lần 4		15,28		15,89		19,30		16,52	
Lần 5	67	280,0	239,0	389,0	326,0	168,0	136,0	57,0	48,0
Hiệu suất lần 5		14,64		16,20		19,05		15,79	

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; hiệu suất xử lý	Lưu lượng thải (m ³ /ngày)	Thông số ô nhiễm chính tại Hồ sinh học 1							
		BOD ₅		COD		TSS		Tổng Nito	
		Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
Lần 1	62	169,70	162,40	312,30	276,20	132,00	111,00	47,00	38,00
Hiệu suất lần 1		4,30		11,56		15,91		19,15	
Lần 2	58	193,90	184,20	352,00	294,40	131,00	110,00	47,00	38,00
Hiệu suất lần 2		5,00		16,36		16,03		19,15	
Lần 3	61	181,80	160,00	320,00	256,00	126,00	107,00	48,00	39,00
Hiệu suất lần 3		11,99		20,00		15,08		18,75	
Lần 4	65	244,00	208,00	323,00	277,00	138,00	117,00	47,00	38,10
Hiệu suất lần 4		14,75		14,24		15,22		18,94	
Lần 5	67	239,00	203,00	326,00	282,00	136,00	114,00	48,00	38,00
Hiệu suất lần 5		15,06		13,50		16,18		20,83	

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; hiệu suất xử lý	Lưu lượng thải (m ³ /ngày)	Thông số ô nhiễm chính tại Hồ sinh học 2							
		BOD ₅		COD		TSS		Tổng Nito	
		Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
Lần 1	62	162,40	65,00	276,20	93,00	111,00	88,00	38,00	24,50
Hiệu suất lần 1		59,98		66,33		20,72		35,53	
Lần 2	58	184,20	43,60	294,40	102,40	110,00	81,00	38,00	25,90
Hiệu suất lần 2		76,33		65,22		26,36		31,84	
Lần 3	61	160,00	43,60	256,00	96,00	107,00	79,00	39,00	26,10
Hiệu suất lần 3		72,75		62,50		26,17		33,08	
Lần 4	65	208,00	64,00	277,00	97,00	117,00	86,00	38,10	25,80
Hiệu suất lần 4		69,23		64,98		26,50		32,28	
Lần 5	67	203,00	62,00	282,00	99,00	114,00	84,00	38,00	26,00
Hiệu suất lần 5		69,46		64,89		26,32		31,58	

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; hiệu suất xử lý	Lưu lượng thải (m ³ /ngày)	Thông số ô nhiễm chính tại Hồ sinh học 2					
		<i>T. Coliform</i>		<i>Coli phân</i>		<i>Salmonella</i>	
		Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
Lần 1	62	210.000	3.400	140.000	KPH	KPH	KPH
Hiệu suất lần 1		98,38		100,00		-	
Lần 2	58	170.000	3.800	130.000	KPH	KPH	KPH
Hiệu suất lần 2		97,76		100,00		-	
Lần 3	61	210.000	3.300	140.000	KPH	KPH	KPH
Hiệu suất lần 3		98,43		100,00		-	
Lần 4	65	170.000	3.500	140.000	KPH	KPH	KPH
Hiệu suất lần 4		97,94		100,00		-	
Lần 5	67	200.000	3.200	150.000	KPH	KPH	KPH
Hiệu suất lần 5		98,40		100,00		-	

- Kết quả đánh giá sự phù hợp của toàn bộ hệ thống xử lý nước thải được lấy mẫu lần 1 ngày 12/02/2022, lần 2 ngày 14/02/2022, lần 3 ngày 15/02/2022, lần 4 ngày 16/02/2022, lần 5 ngày 17/02/2022, lần 6 ngày 18/02/2022, lần 7 ngày 19/02/2022 được trình bày theo bảng sau:

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; quy chuẩn kỹ thuật về chất thải được áp dụng	Lưu lượng thải (Đơn vị tính)	Thông số môi trường của dự án															
		pH		BOD ₅		COD		TSS		Tổng Nito		T. Coliform		Coli phân		Salmonella	
		Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
Lần 1	66	6,85	7,14	720	66	1.284	95	655	62	198	25,6	170.000	3.300	140.000	240	KPH	KPH
Lần 2	63	-	7,22	-	61	-	99	-	64	-	24,9	-	3.400	-	220	KPH	KPH
Lần 3	64	-	7,10	-	64	-	103	-	62,5	-	25,7	-	3.900	-	320	KPH	KPH
Lần 4	61	-	7,08	-	59	-	96	-	65	-	24,8	-	3.200	-	170	KPH	KPH
Lần 5	59	-	7,25	-	59	-	98	-	65	-	25,2	-	3.300	-	220	KPH	KPH
Lần 6	65	-	6,98	-	64	-	105	-	67,5	-	25,5	-	3.900	-	330	KPH	KPH
Lần 7	64	-	7,19	-	60	-	95	-	63	-	24,9	-	3.500	-	240	KPH	KPH
QCVN 62-MT:2016/ BTNMT, CỘT B	-	5,5 - 9		100		300		150		150		5.000		-		-	
QCVN 01-14:2010 /BNNPTNT	-	-		-		-		-		-		5.000		500		KPH	

2. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

Quan trắc nước thải

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải.
- Chỉ tiêu giám sát: pH, BOD₅, COD, Tổng chất rắn lơ lửng, Tổng Nito, Tổng Coliform, Coli phân, Salmonella.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần
- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTNMT, Cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01 – 14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học.

Quan trắc bụi, khí thải

Giám sát môi trường không khí trong khu vực chăn nuôi:

- Vị trí giám sát: 01 điểm trong khu vực chuồng trại;
- Chỉ tiêu giám sát: tiếng ồn, vi khí hậu, bụi, NO₂, SO₂, NH₃, H₂S.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2016/BYT, QCVN 24:2016/BYT, QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03:2019/BYT.

Giám sát môi trường nước ngầm

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại giếng khoan trong trang trại.
- Chỉ tiêu giám sát: pH, Độ cứng, TDS, Fe tổng, Nitrat, Nitrit, Cl⁻, Amoni, tổng Coliform.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần
- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 09-MT:2015/BTNMT

Giám sát môi trường đất

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực cây xanh sử dụng nước thải sau xử lý;
- Chỉ tiêu giám sát: As, Pb, Cu, Zn, Cd, Cr
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: QCVN 03-MT:2015/BTNMT.

Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Thường xuyên theo dõi, giám sát tổng lượng phát thải phát sinh; giám sát lượng CTRNH tại nơi lưu giữ tạm thời.
- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.
- Quy định áp dụng: Luật số 72/2020/QH14, nghị định số 08/2022/NĐ-CP, thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.

Kinh phí để thực hiện chương trình giám sát môi trường của Dự án hàng năm khoảng 45.000.000 VNĐ.

CHƯƠNG VI

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Chúng tôi cam kết rằng những thông tin, số liệu trên là đúng sự thực; nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Công ty cam kết sẽ xử lý chất thải theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- Cam kết sẽ xử lý nước thải đầu ra đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, Cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01 – 14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học.

- Cam kết chất lượng không khí đạt QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng - mức cho phép ánh sáng tại nơi làm việc, QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu-giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc, QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc và QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- Cam kết các chỉ tiêu trong nước ngầm tại giếng khoan trong trang trại đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn QCVN 09-MT:2015/BTNMT.

- Cam kết thực hiện kiểm soát môi trường đất theo QCVN 03-MT/2015/BTNMT.

- Đối với chất thải rắn không nguy hại và rác thải sinh hoạt, Công ty sẽ ký hợp đồng thu gom và xử lý với các đơn vị có chức năng để thu gom xử lý.

PHỤ LỤC

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3801187796

Đăng ký lần đầu: ngày 19 tháng 11 năm 2018

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 16 tháng 09 năm 2019

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THÀNH HUNG BÌNH PHƯỚC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CTY TNHH THÀNH HUNG BP

2. Địa chỉ trụ sở chính

Ấp Bù Tam, Xã Hưng Phước, Huyện Bù Đốp, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: 0363 046338

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	LÊ THANH PHƯƠNG	79/25 Điện Biên Phủ, Phường An Lạc, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	10.000.000.000	50,000	361510386	
2	PHAN VĂN TÀI	Ấp Kiến An, Xã An Điền, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	10.000.000.000	50,000	280585552	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGÔ QUANG DÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 23/11/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

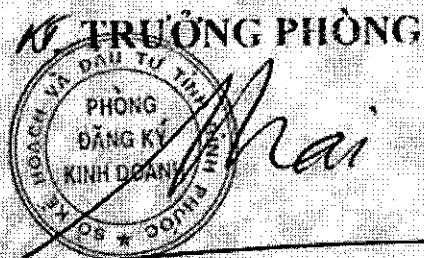
Số giấy chứng thực cá nhân: 285120188

Ngày cấp: 13/05/2015

Nơi cấp: Công an tỉnh Bình Phước

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 10, Ấp 4, Xã Minh Hưng, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ 10, Ấp 4, Xã Minh Hưng, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Duy Hải

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số: 1094/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 27 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án xây dựng trang trại chăn nuôi heo công nghiệp quy mô 2.400 con heo nái sinh sản tại ấp Bù Tam, xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Thành Hưng Bình Phước làm chủ đầu tư

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 296/TTr-STNMT ngày 23/5/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án xây dựng trang trại chăn nuôi heo công nghiệp, quy mô 2.400 con heo nái sinh sản tại ấp Bù Tam, xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước (sau đây gọi là Dự án) do Công ty TNHH Thành Hưng Bình Phước làm chủ đầu tư (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi, quy mô của dự án.

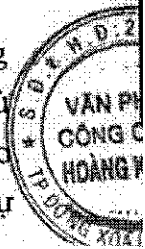
a) Phạm vi dự án: Dự án thực hiện trên khu đất có diện tích khoảng 10 ha tại ấp Bù Tam, xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

b) Quy mô chăn nuôi: 2.400 con heo nái sinh sản.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án.

a) Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

b) Phải xây dựng hệ thống thoát nước mưa và nước thải riêng biệt. Các công trình đơn vị của hệ thống xử lý nước thải phải có các biện pháp chống thấm. Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ phải được dẫn về hệ thống xử lý



nước thải tập trung của dự án để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn cho phép. Nước thải từ hoạt động chăn nuôi, nước thải từ quá trình ép phân của Dự án phải được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học QCVN 01-14:2010/BNNT trước khi sử dụng vào mục đích tưới tiêu; phải có phương án chứa nước thải đảm bảo không chảy tràn ra môi trường xung quanh, không thải vào nguồn tiếp nhận (sông, suối) xung quanh khu vực dự án và thực hiện phương án tưới tiêu, vị trí tưới, diện tích tưới theo nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

c) Bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phải được xử lý đạt Quy chuẩn Việt Nam về môi trường như sau: nồng độ bụi, các khí độc hại trong môi trường không khí xung quanh phải xử lý đạt Quy chuẩn Việt Nam QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT; bụi và các nguồn khí thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi của Dự án phải xử lý đạt Quy chuẩn Việt Nam QCVN 19:2009/BTNMT, cột B ($k_p = 1$, $k_v = 1,2$); tiếng ồn, độ rung trong môi trường xung quanh đạt Quy chuẩn Việt Nam QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động chăn nuôi phải đảm bảo đạt Quy chuẩn Việt Nam QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - giá trị cho phép tại nơi làm việc. Thực hiện các biện pháp không chế ô nhiễm do mùi phát sinh từ các hoạt động của Dự án, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến dân cư xung quanh.

d) Thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn chăn nuôi theo đúng quy định. Phân heo phải được thu gom, xử lý theo đúng quy định trước khi bán ra bên ngoài. Đối với các loại chất thải nguy hại phải thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại. Heo chết do dịch bệnh phải thực hiện thu gom, quản lý và xử lý theo đúng quy định hiện hành. Nhau thai và heo chết không do dịch bệnh phải được thu gom xử lý theo đúng nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Thực hiện các biện pháp ngăn ngừa, phòng chống dịch bệnh cho trại chăn nuôi và khu vực xung quanh.

e) Thực hiện trồng cây xanh trong khu vực Dự án đảm bảo đạt tỷ lệ 20% tổng diện tích Dự án, bố trí dây cây xanh cách ly khu vực chăn nuôi, khu xử lý chất thải với khu vực xung quanh.

f) Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố do cháy, nổ, các rủi ro và sự cố môi trường khác.

g) Trong quá trình hoạt động, Chủ dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có Dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

h) Định kỳ thực hiện Chương trình giám sát chất lượng môi trường và công tác thu gom, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo đúng nội dung đã trình bày trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường.

i) Thực hiện các yêu cầu tại Công văn số 33/CV-UBND ngày 27/12/2018 của UBND xã Hưng Phước về việc ý kiến tham vấn báo cáo ĐTM về Dự án xây dựng trại chăn nuôi heo công nghiệp, quy mô 2.400 con heo nái sinh sản của Công ty TNHH Thành Hưng Bình Phước và Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp của Dự án ngày 27/12/2019 tại ấp Bù Tam, xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo an ninh trật tự và ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương.

3. Các điều kiện kèm theo.

a) Chủ dự án phải đảm bảo điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học theo đúng quy định tại QCVN 01-14:2010/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học.

b) Trong quá trình xây dựng và hoạt động, Chủ dự án phải thực hiện theo đúng các yêu cầu quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh Bình Phước về ban hành Quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

c) Dự án chỉ được đi vào hoạt động (chăn nuôi heo) sau khi xây dựng hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải và các công trình bảo vệ môi trường như đã trình bày trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm sau đây.

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của Dự án để niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Điều 1 của quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án gửi cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường và Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

4. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Khoản 2, Điều 25, Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chỉ huy trưởng Chỉ huy Bảo vệ môi trường, Chủ tịch UBND huyện Bù Đốp, Chủ tịch UBND xã Hưng Phước Giám đốc Công ty TNHH Thành Hưng Bình Phước và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký/.

Nơi nhận:

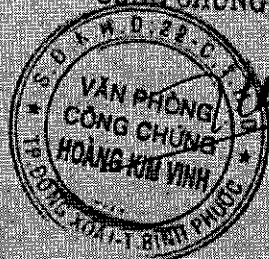
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 5;
- LDVP, Phòng Kế hoạch;
- Lưu: VT (Đ.Tài - 02/2015/Đ.Tài).

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN GỐC

Số công văn: 28-09-2015

Ngày tháng năm 2015

CÔNG CHỨNG VIÊN



Huynh Anh Minh

Minh Lê Lan

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

- I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
Công ty TNHH Thành Hưng Bình Phước
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801187796 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đổi lần thứ 2 ngày 28/6/2019.
 - Địa chỉ trụ sở chính: ấp Bù Tam, xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

CP 407623

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 01 , tờ bản đồ số: 00
- b) Địa chỉ: xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước
- c) Diện tích: 100.088,5 m², (bằng chữ: một trăm nghìn không trăm tám mươi tám phẩy năm mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- e) Mục đích sử dụng: 98.788,5 m² đất nông nghiệp khác; 1.300,0 m² đất phi nông nghiệp khác
- f) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 08/3/2069
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

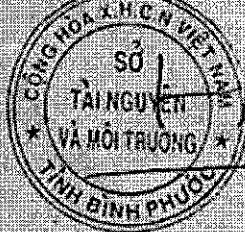
Được giảm tiền thuê đất với số tiền 553.408.260 đồng (bằng chữ: năm trăm năm mươi ba triệu bốn trăm lẻ tám nghìn hai trăm sáu mươi đồng), trong đó giảm số tiền 59.827.920 đồng từ tháng 6/2019 đến tháng 9/2020 và giảm số tiền 493.580.340 đồng từ ngày 01/10/2020 đến ngày 30/9/2031 theo Quyết định số 1036/QĐ-CT ngày 11/7/2019 của Cục Thuế tỉnh Bình Phước.

Bình Phước, ngày 19 tháng 7 năm 2019

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

TUQ. CHỦ TỊCH

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

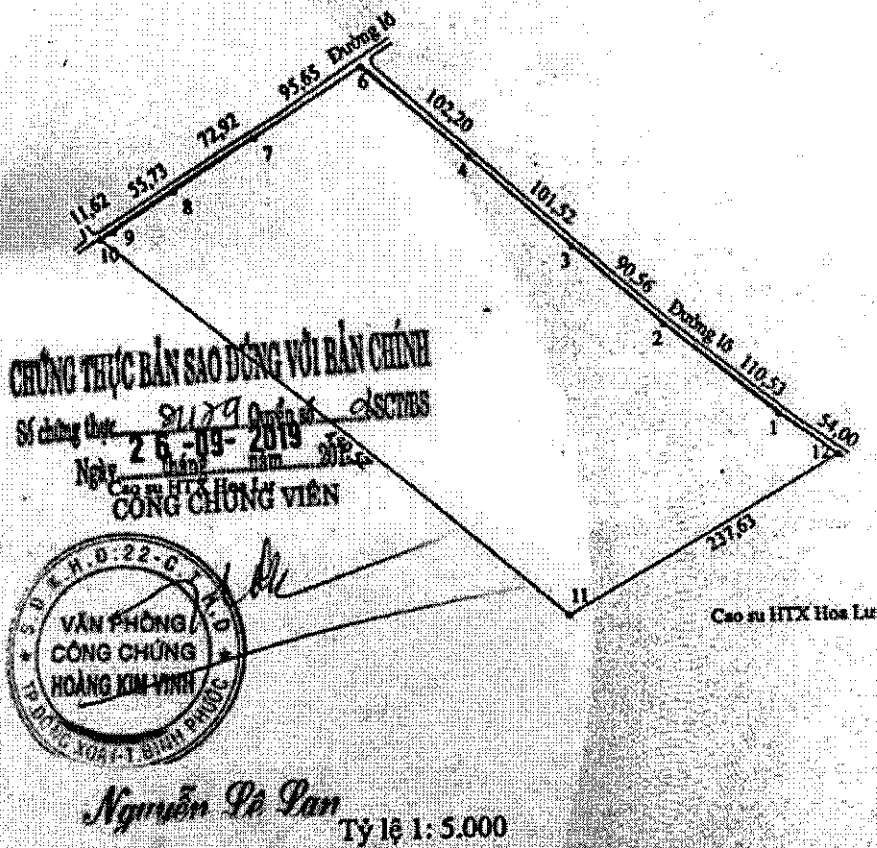


Lê Hoàng Lâm

Số và số cấp GCN: CT. 16961.....

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

g)



IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Bình Phước, ngày 25 tháng 4 năm 2020

**SỔ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI**

Mã số QLCTNH: 70.000376.T

(Cấp lần đầu)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải CTNH:

Tên chủ nguồn thải: Công ty TNHH Thành Hưng Bình Phước.

Địa chỉ văn phòng/trụ sở chi nhánh: ấp Bù Tam, xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

Điện thoại: 0363046338

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 3801187796, cấp lần đầu ngày 19/11/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16/9/2019

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước.

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký cơ sở phát sinh chất thải nguy hại kèm theo Danh sách chất thải nguy hại tại Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.
2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 7 của Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Thành Hưng Bình Phước;
- GD Sở;
- Lưu: CCBVMT.



GIÁM ĐỐC

Lê Hoàng Lâm

PHỤ LỤC

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH có mã số QLCTNH 70.000376.T do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 15 tháng 4 năm 2020)

1. Cơ sở phát sinh CTNH

Tên: Trang trại chăn nuôi heo công nghiệp, quy mô 2.400 con heo nái sinh sản - Công ty TNHH Thành Hưng Bình Phước.

Địa chỉ: ấp Bù Tam, xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

Điện thoại: 0363046338

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên (ước tính)

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	01	08 02 04
2	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn/Lỏng	80	13 02 01
3	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại (bao bì mềm thải chứa thành phần nguy hại phát sinh trong quá trình sát trùng xe, chuồng trại)	Rắn	78	14 02 02
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	10	16 01 06
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải (dầu nhớt thải)	Lỏng	26	17 02 03
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng, can nhựa đựng hóa chất, dầu mỡ thải)	Rắn	122	18 01 03
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	83	18 02 01
8	Bao bì mềm thải (bao bì thuốc thú y thải)	Rắn	202	18 01 01
9	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	02	19 06 01
Tổng số lượng			604	

3. Danh sách chất thải nguy hại đăng ký tự tái sử dụng, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH tại cơ sở (nếu có): không có

Số: /STNMT-CCBVMT

Bình Phước, ngày tháng năm 2021

V/v thông báo kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải để vận hành thử nghiệm của Dự án Trang trại chăn nuôi heo công nghiệp, quy mô 2.400 con heo nái sinh sản tại ấp Bù Tam, xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

Kính gửi: Công ty TNHH Thành Hưng Bình Phước

Căn cứ quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường; Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường; Biên bản kiểm tra các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành để vận hành thử nghiệm của Dự án ngày 02/12/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo kết quả như sau:

1. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa và hệ thống xử lý nước thải

Công ty đã đầu tư hệ thống thu gom và thoát nước mưa, nước thải riêng biệt, cụ thể như sau:

- Nước mưa chảy tràn: Công ty đã đầu tư hệ thống thu gom và thoát nước mưa, nước thải riêng biệt; hệ thống mương thu gom và thoát nước mưa là mương đất rộng 0,5 m, sâu 0,6 m, tổng chiều dài 820 m, qua các hố ga để lắng cát và loại bỏ các chất lơ lửng rồi chảy về hồ chứa nước mưa của trang trại với thể tích 7.200 m³.

- Nước thải sinh hoạt: được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn trước khi dẫn về bể Biogas của hệ thống xử lý nước thải bằng đường ống PVC Ø 90mm để tiếp tục xử lý.

- Nước thải chăn nuôi: Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung cho trang trại, công suất 90 m³/ngày đêm với quy trình như sau: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 3 ngăn → Hàm Biogas; Nước thải rửa tay, chân → Hồ sinh học 2; Nước sát trùng xe và công nhân → Hồ chứa nước thải sau xử lý; Nước thải chăn nuôi → Hồ CT (hồ chứa phân trước khi ép phân cùng với nước thải từ quá trình ép phân) → Hàm Biogas → Hồ sinh học hiếu khí → Hồ sinh

học 1 → Hồ sinh học 2 → Hồ chứa nước thải sau xử lý. Nước thải sau xử lý sẽ được bơm lên bể nước 02 tầng để tái sử dụng vệ sinh chuồng trại và tưới cây.

Tại thời điểm kiểm tra: hệ thống xử lý nước thải đã xây dựng hoàn thiện; hệ thống vận hành ổn định. Tuy nhiên, bề mặt bể Biogas còn đọng nhiều nước mưa; hồ sinh học 2 và hồ chứa nước thải sau xử lý chưa lót bạt HDPE; chưa có hệ thống máy thổi khí cho hồ sinh học hiếu khí. Hệ thống xử lý nước thải chưa phát sinh bùn thải.

2. Hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Công ty đã đầu tư các công trình xử lý bụi, khí thải và mùi hôi tại trang trại, cụ thể:

- Khí thải máy phát điện: Khí thải máy phát điện được phát tán ra môi trường bằng ống khói và được pha loãng tải đi xa. Công ty đã lắp đặt ống khói làm bằng thép không gỉ, chịu nhiệt cao với chiều cao 5,5 m tính từ mặt đất, đường kính ống khói 25 cm.

- Khí gas phát sinh từ hầm biogas: Theo nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt, Công ty đầu tư hồ xả ga có kết cấu bê tông cốt thép diện tích 1,0m² có thiết kế van xả để xả lượng khí gas từ hầm biogas. Tuy nhiên, qua thực tế kiểm tra Công ty chưa thực hiện nội dung này.

- Mùi hôi: Công ty đã bố trí các quạt hút tại khu vực các chuồng nuôi. Mùi hôi từ quá trình chăn nuôi, từ khu vực nhà đẻ phân được Công ty sử dụng chế phẩm EM để xử lý.

3. Công trình, thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Công ty đã đầu tư các công trình, thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường tại trang trại, cụ thể như sau:

- **Phân heo:** Tại thời điểm kiểm tra, phân heo hằng ngày được thu gom khô, sau đó lưu giữ ở nhà để phân với diện tích 90 m² tại khu vực trang trại; sau đó được đóng bao và hợp đồng bán cho các đơn vị có nhu cầu làm phân bón cho cây trồng. Công ty chưa đầu tư máy ép phân theo hồ sơ đã được phê duyệt; tại nhà để phân, phân heo lưu giữ đã đầy, rơi vãi ra bên ngoài, khu vực nhà để phân chưa có biển báo và chưa đảm bảo để phòng tránh nước mưa tạt vào.

- Xác heo chết không do dịch bệnh và nhau thai: Tại thời điểm kiểm tra, nhau thai và xác heo chết không do dịch bệnh phát sinh tại trang trại được Công ty xử lý bằng phương pháp vô cơ hóa nhờ phân hủy tại hầm hủy xác có kết cấu bê tông chống thấm (tuy nhiên, hạng mục này không thống nhất với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt); Công ty cam kết tự chịu trách nhiệm trước những thay đổi này. Hồ sơ chưa mô tả thông tin về kích thước, kết cấu của hầm hủy xác.

- Bùn từ hệ thống xử lý nước thải: tại thời điểm kiểm tra, hệ thống xử lý nước thải chưa phát sinh bùn thải.

4. Công trình lưu giữ chất thải nguy hại

Công ty đã xây dựng kho chứa chất thải nguy hại tại trang trại có diện tích 20 m², kết cấu: nền xi măng, tường xây gạch, mái lợp tôn; chất thải được phân loại và đựng riêng biệt trong thùng có nắp đậy, đã bố trí rãnh thu gom, hố thu gom phòng sự cố tràn đổ chất thải lỏng. Chất thải nguy hại sau khi thu gom được Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

5. Công trình quản lý chất thải khác (rác thải sinh hoạt,...)

Công ty đã bố trí 06 thùng chứa rác chuyên dụng, dung tích 120 lít có nắp đậy kín và bố trí dọc đường giao thông nội bộ, xung quanh và trong khu vực trại để thu gom rác thải; sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định.

6. Đối với công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

- Công ty đã trang bị phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy cho trang trại.

- Trồng cây xanh có tán xung quanh khuôn viên trại đảm bảo 20% diện tích theo nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

Căn cứ kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải để vận hành thử nghiệm nêu trên, cho thấy Dự án Trang trại chăn nuôi heo công nghiệp, quy mô 2.400 con heo nái sinh sản tại ấp Bù Tam, xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Thành Hưng Bình Phước làm chủ đầu tư ***đã đủ điều kiện vận hành thử nghiệm.***

Yêu cầu Công ty TNHH Thành Hưng Bình Phước trong quá trình vận hành thử nghiệm phải thực hiện các nội dung sau: Đối với các nội dung thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, yêu cầu Công ty có văn bản giải trình cụ thể hoặc điều chỉnh theo đúng quy định. Đối với hệ thống xử lý nước thải: phải thực hiện lót bạt HDPE cho hạng mục hồ sinh học 2 và hồ chứa nước thải sau xử lý; bổ sung máy thổi khí cho hạng mục hồ sinh học thiếu khí; tiến hành bơm hết lượng nước mưa chảy tràn trên bể biogas. Giải trình rõ hoặc bổ sung đầy đủ thông tin hạng mục hố xả ga có kết cấu bê tông cốt thép, diện tích 1,0m² để xử lý khí gas từ bể biogas. Công ty phải xử lý bớt lượng phân heo lưu giữ tại nhà để phân, hạn chế rơi vãi phân ra bên ngoài; đầu tư biển báo và che chắn, cải tạo lại khu vực nhà để phân đảm bảo phòng tránh nước mưa. Bổ sung đầy đủ các bản vẽ thiết kế cơ sở các công trình xử lý chất thải có liên quan vào nội dung hồ sơ; bổ sung đầy đủ thông tin về kích thước, cấu tạo của hầm hủy xác vào nội dung hồ sơ. Tăng cường xử lý mùi hôi tại khu vực hầm hủy xác

và khu vực nhà để phân. Bố trí các tấm màn che sau quạt hút để hạn chế mùi hôi ảnh hưởng đến khu vực xung quanh. Yêu cầu Công ty vận hành các công trình xử lý chất thải theo đúng quy trình, đảm bảo xử lý nước thải sau khi xử lý sẽ đạt cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học trước khi tái sử dụng cho hoạt động của trang trại và tưới cây.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo để Công ty TNHH Thành Hưng Bình Phước biết, làm căn cứ triển khai các bước tiếp theo, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định về bảo vệ môi trường./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, CCBVMT.

GIÁM ĐỐC